



Phụ lục I-C

**BỔ SUNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG
CỦA UBND THÀNH PHỐ BIÊN HÒA VÀ CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 12 /2024/QĐ-UBND ngày 20 tháng 02 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng dự kiến ban hành	Ghi chú	
				Căn cứ pháp lý đề xuất	Mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản
I	Trung tâm Dịch vụ Công ích thành phố Biên Hòa				
1	Đầm cóc Động cơ 2F - Dung tích bình xăng 2 lít - Số lần đập trong một phút 644-695 - Biên độ giặt 70mm - Lực đầm 9,8 Kn	Cái	1	Theo nhu cầu thực tế	Phục vụ công tác bảo dưỡng thường xuyên hạ tầng giao thông, các công trình đường bộ và phục vụ công tác xử lý nước thải bên Cụm gồm sứ Tân Hạnh
2	Máy cắt bê tông sàn - Công suất 9,5KW/13HP - Chiều sâu cắt lớn nhất 155mm - Đường kính lưỡi cắt lớn nhất 500mm - Ổ cắm lưỡi cắt 25,4mm - Tốc độ cắt 2300rpm	Cái	1	Theo nhu cầu thực tế	Phục vụ công tác bảo dưỡng thường xuyên hạ tầng giao thông, các công trình đường bộ và phục vụ công tác xử lý nước thải bên Cụm gồm sứ Tân Hạnh
3	Máy phát điện - Loại máy phát điện chạy xăng - Điện thế đầu ra 220V/1 pha - Công suất 5.0 KVA; Tối đa (6,5 KVA) - Trọng lượng 43kg	Cái	1	Theo nhu cầu thực tế	Phục vụ công tác bảo dưỡng thường xuyên hạ tầng giao thông, các công trình đường bộ và phục vụ công tác xử lý nước thải bên Cụm gồm sứ Tân Hạnh
4	Máy đục phá 1750W - Công suất: 1750W - Tốc độ đập: 1300 lần/phút - Lực đập: 45J - Trọng lượng: 17,8kg	Cái	1	Theo nhu cầu thực tế	Phục vụ công tác bảo dưỡng thường xuyên hạ tầng giao thông, các công trình đường bộ và phục vụ công tác xử lý nước thải bên Cụm gồm sứ Tân Hạnh
5	Motor bơm nước 5HP - Công suất: 5HP, 3 pha, 380V - Kiểu dáng: loại bơm trực ngang	Cái	2	Theo nhu cầu thực tế	Phục vụ công tác bảo dưỡng thường xuyên hạ tầng giao thông, các công trình đường bộ và phục vụ công tác xử lý nước thải bên Cụm gồm sứ Tân Hạnh

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng dự kiến ban hành	Ghi chú	
				Căn cứ pháp lý đề xuất	Mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản
6	Máy cưa xích - Dung tích xilanh: 54cc - Công suất: 2,5 KW - Tốc độ xoay: 11.000 RPM - Nhiên liệu: xăng pha nhớt 1:25 - Trọng lượng: 5kg - Lam: 22" (5 tấc) - Xích: 34 mắt	Cái	4	Theo nhu cầu thực tế	Phục vụ công tác bảo dưỡng thường xuyên hạ tầng giao thông, các công trình đường bộ và phục vụ công tác xử lý nước thải bên Cụm gồm sứ Tân Hạnh
7	Máy thổi bụi cầu đường - Kiểu động cơ: Động cơ xăng 4 thì - Dung tích xilanh: 75,6cc - Công suất: 2,7 KW tương đương 3,6 Hp - Tốc độ lớn nhất: 7.100 vòng/phút - Tốc độ không tải (ga roăng ti): 2.800 vòng/phút - Loại dầu bôi trơn: SAE 100W-30 - Bộ chế hòa khí loại màng ngăn - Thể tích bình xăng: 1,9 lít - Chỉ số bugi: NGK CMR6A - Khoảng cách đánh lửa: 0,7-0,8mm - Chỉ số cửa gió - Tốc độ gió: 89m/s - Lưu lượng gió: 19 m ³ /phút - Cự ly thổi tối đa: 18 mét	Cái	1	Theo nhu cầu thực tế	Phục vụ công tác bảo dưỡng thường xuyên hạ tầng giao thông, các công trình đường bộ và phục vụ công tác xử lý nước thải bên Cụm gồm sứ Tân Hạnh
8	Máy hàn 500 ampe 220V/380V - Điện thế vào $\pm 15\%$ 220V/380V - Tần số (Hz): 50/60 Hz - Công suất đầu ra: 40KVA - Điện thế ra: 80-85A - Cường độ ra: 500A - Trọng lượng: 115kg - Kích thước thùng (mm): 545 x 400 x 500 - Sử dụng que hàn (mm): 3,2 - 6,0	Cái	1	Theo nhu cầu thực tế	Phục vụ công tác bảo dưỡng thường xuyên hạ tầng giao thông, các công trình đường bộ và phục vụ công tác xử lý nước thải bên Cụm gồm sứ Tân Hạnh

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng dự kiến ban hành	Ghi chú	
				Căn cứ pháp lý đề xuất	Mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản
9	Máy khoan bê tông - Công suất: 1100W - 2 đường kính khoan (có búa): 12-40mm - Khả năng khoan tối ưu (có búa): 18-32mm - Khả năng khoan với mũi rút bê tông: 40-90mm - Tốc độ không tải: 170-340V/P - Tốc độ đục: 1500-3500 lần/phút - Lực đập: 8,8J - Kích thước khoan (dài x rộng): 485 x 260mm	Cái	1	Theo nhu cầu thực tế	Phục vụ công tác bảo dưỡng thường xuyên hạ tầng giao thông, các công trình đường bộ và phục vụ công tác xử lý nước thải bên Cụm gồm sứ Tân Hạnh
10	Máy thủy bình - Độ phóng đại: 24X - Độ chính xác: 2,0mm	Cái	1	Theo nhu cầu thực tế	Phục vụ công tác bảo dưỡng thường xuyên hạ tầng giao thông, các công trình đường bộ và phục vụ công tác xử lý nước thải bên Cụm gồm sứ Tân Hạnh
11	Máy hàn cắt plasma - Điện áp vào: 1 pha 220V $\pm$ 15% - Tần số (Hz): 50/60 Hz - Công suất đầu ra (KVA): 6 KVA - Cường độ ra (A): 20-200A - Điện áp ra (V): 60-70 - Hiệu suất: 60%	Cái	1	Theo nhu cầu thực tế	Phục vụ công tác bảo dưỡng thường xuyên hạ tầng giao thông, các công trình đường bộ và phục vụ công tác xử lý nước thải bên Cụm gồm sứ Tân Hạnh
12	Biến tần máy thổi khí - Công suất: 5,5KW, 3 pha/380VAC, IP20	Cái	1	Theo nhu cầu thực tế	Phục vụ công tác bảo dưỡng thường xuyên hạ tầng giao thông, các công trình đường bộ và phục vụ công tác xử lý nước thải bên Cụm gồm sứ Tân Hạnh
13	Biến tần máy thổi khí - Công suất: 7,5KW, 3 pha/380VAC, IP20	Cái	1	Theo nhu cầu thực tế	Phục vụ công tác bảo dưỡng thường xuyên hạ tầng giao thông, các công trình đường bộ và phục vụ công tác xử lý nước thải bên Cụm gồm sứ Tân Hạnh

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	DVT	Số lượng dự kiến ban hành	Ghi chú	
				Căn cứ pháp lý đề xuất	Mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản
14	Bộ đo BOD 6 chỗ Có 6 vị trí đo, có thể đo cùng lúc 6 mẫu Các thang đo : - Từ 0 - 40 mg/l, với thể tích mẫu 428ml - Từ 0 - 80 mg/l, với thể tích mẫu 360ml - Từ 0 - 200 mg/l, với thể tích mẫu 244ml - Từ 0 - 400 mg/l, với thể tích mẫu 157ml - Từ 0 - 800 mg/l, với thể tích mẫu 94ml - Từ 0 - 2000mg/l, với thể tích mẫu 56ml - Từ 0 - 4000 mg/l, với thể tích mẫu 21.7ml - Thời gian đo: Từ 1-28 ngày - Chế độ bảo vệ an toàn theo tiêu chuẩn: IP54	Cái	1	Theo nhu cầu thực tế	Phục vụ công tác bảo dưỡng thường xuyên hạ tầng giao thông, các công trình đường bộ và phục vụ công tác xử lý nước thải bên Cụm gồm sứ Tân Hạnh
15	Bộ lưu trữ và xử lý số liệu trung tâm cho chỉ tiêu COD - Kết nối, hiển thị, lưu trữ, xử lý tất cả các thông số đo như : COD/ TSS, PH, ... - Màn hình hiển thị 8.5 inch, dạng cảm ứng, màu; Hiển thị các thông số đo theo dạng đồ thị và số - Khả năng lưu trữ số liệu : 16 GB - Nhiệt độ vận hành : 0-50 độ C - Tích hợp tín hiệu ngõ ra 4-20 mA cho từng chỉ tiêu đo - Tích hợp bơm nhu động lấy mẫu tự động 600 ml/phút - Tích hợp hệ thống làm sạch tự động các module - Chuẩn truyền thông : tùy chọn kết nối theo chuẩn RS485, USB... - Nguồn cung cấp : 100 - 240 VAC hoặc 24 VDC; Cấp bảo vệ : IP65, Vật liệu: SS304	Cái	1	Theo nhu cầu thực tế	Phục vụ công tác bảo dưỡng thường xuyên hạ tầng giao thông, các công trình đường bộ và phục vụ công tác xử lý nước thải bên Cụm gồm sứ Tân Hạnh

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng dự kiến ban hành	Ghi chú	
				Căn cứ pháp lý đề xuất	Mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản
16	Bơm bùn thải (Bể bùn trung gian hóa lý T05) - Kiểu bơm: dạng bơm chìm - Lưu lượng: 20m ³ /h - Cột áp: 9m - Công suất: 1.5KW, 3 pha, 380V, 50Hz - Độ bảo vệ: IP68, class E - Chế độ bảo vệ quá nhiệt dạng auto-cut - Kích thước chân rắn đi qua: 42mm - Vật liệu: Thân bơm: Gang đúc F Cánh bơm: Cánh hở (vorto) Gang đúc FC200 Trục: Thép không gỉ SUS402J2	Cái	4	Theo nhu cầu thực tế	Phục vụ công tác bảo dưỡng thường xuyên hạ tầng giao thông, các công trình đường bộ và phục vụ công tác xử lý nước thải bên Cụm gồm sứ Tân Hạnh
17	Bơm bùn trục vít - Kiểu bơm: trục vít - Lưu lượng: 5m ³ /h - Cột áp: 2 bar (20m) - Công suất: 2.2KW, 3 pha, 380V, 50Hz, IP55, class F	Cái	2	Theo nhu cầu thực tế	Phục vụ công tác bảo dưỡng thường xuyên hạ tầng giao thông, các công trình đường bộ và phục vụ công tác xử lý nước thải bên Cụm gồm sứ Tân Hạnh
18	Bơm chân không - Độ chân không tối đa: 640-650mm Hg - Tốc độ hút: 24 - 27 lít/phút - Áp suất hút: 3,9 - 4,2 bar - Công suất điện: 1/8Hp, 220V/50Hz	Cái	1	Theo nhu cầu thực tế	Phục vụ công tác bảo dưỡng thường xuyên hạ tầng giao thông, các công trình đường bộ và phục vụ công tác xử lý nước thải bên Cụm gồm sứ Tân Hạnh
19	Bơm định lượng dung dịch dinh dưỡng - Kiểu: bơm màng - Q = 155 L/h - Áp suất: 10 bar - Công suất: 0.25 KW, 3 pha/ 380V/ 50Hz	Cái	2	Theo nhu cầu thực tế	Phục vụ công tác bảo dưỡng thường xuyên hạ tầng giao thông, các công trình đường bộ và phục vụ công tác xử lý nước thải bên Cụm gồm sứ Tân Hạnh

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng dự kiến ban hành	Ghi chú	
				Căn cứ pháp lý đề xuất	Mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản
20	Bơm định lượng dung dịch keo tụ - Kiểu: bơm màng - Q = 155 L/h - Áp suất: 10 bar - Công suất: 0.25 KW, 3 pha/ 380V/ 50Hz	Cái	3	Theo nhu cầu thực tế	Phục vụ công tác bảo dưỡng thường xuyên hạ tầng giao thông, các công trình đường bộ và phục vụ công tác xử lý nước thải bên Cụm gồm sứ Tân Hạnh
21	Bơm định lượng dung dịch NaOCl Thanh trượt xích treo bằng SUS 304 - Kiểu: bơm màng - Q = 155 L/h - Áp suất: 10 bar - Công suất: 0.25 KW, 3 pha/ 380V/ 50Hz	Cái	2	Theo nhu cầu thực tế	Phục vụ công tác bảo dưỡng thường xuyên hạ tầng giao thông, các công trình đường bộ và phục vụ công tác xử lý nước thải bên Cụm gồm sứ Tân Hạnh
22	Bơm định lượng dung dịch phèn - Kiểu: bơm màng - Q = 155 L/h - Áp suất: 10 bar - Công suất: 0.25 KW, 3 pha/ 380V/ 50Hz	Cái	3	Theo nhu cầu thực tế	Phục vụ công tác bảo dưỡng thường xuyên hạ tầng giao thông, các công trình đường bộ và phục vụ công tác xử lý nước thải bên Cụm gồm sứ Tân Hạnh
23	Bơm định lượng dung dịch polymer - Kiểu: bơm màng - Q = 155 L/h - Áp suất: 10 bar - Công suất: 0.25 KW, 3 pha/ 380V/ 50Hz	Cái	2	Theo nhu cầu thực tế	Phục vụ công tác bảo dưỡng thường xuyên hạ tầng giao thông, các công trình đường bộ và phục vụ công tác xử lý nước thải bên Cụm gồm sứ Tân Hạnh
24	Bơm nước rửa băng tải (CWP) - Kiểu: bơm ly tâm trục ngang - Điện: 3 pha/ 380V/ 50Hz - Lưu lượng: 40 - 150 l/mm - Cột áp: 51,5 - 36,5m - Công suất điện: 1.5KW	Cái	1	Theo nhu cầu thực tế	Phục vụ công tác bảo dưỡng thường xuyên hạ tầng giao thông, các công trình đường bộ và phục vụ công tác xử lý nước thải bên Cụm gồm sứ Tân Hạnh

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng dự kiến ban hành	Ghi chú	
				Căn cứ pháp lý đề xuất	Mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản
25	Bơm nước thải (Hố thu gom, Bể điều hòa) - Kiểu bơm: dạng bơm chìm - Lưu lượng: 36m ³ /h - Cột áp: 4,5m - Công suất: 1.5KW, 3 pha, 380V, 50Hz - Độ bảo vệ: IP68, class E - Chế độ bảo vệ quá nhiệt dạng auto-cut - Kích thước chắn rắn đi qua: 53mm - Vật liệu: Thân bơm: Gang đúc FC200 Cánh bơm: Gang đúc FC200 Trục: Thép không gỉ SUS402J2	Cái	6	Theo nhu cầu thực tế	Phục vụ công tác bảo dưỡng thường xuyên hạ tầng giao thông, các công trình đường bộ và phục vụ công tác xử lý nước thải bên Cụm gồm sứ Tân Hạnh
26	Bơm nước thải (Bể gom) - Kiểu bơm: dạng bơm chìm - Lưu lượng: 64m ³ /h - Cột áp: 9m - Công suất: 3,7KW, 3 pha, 380V, 50Hz - Độ bảo vệ: IP68, class E - Chế độ bảo vệ quá nhiệt dạng auto-cut - Kích thước chắn rắn đi qua: 53mm - Vật liệu: Thân bơm: Gang đúc FC200 Cánh bơm: Gang đúc FC200 Trục: Thép không gỉ SUS402J2	Cái	2	Theo nhu cầu thực tế	Phục vụ công tác bảo dưỡng thường xuyên hạ tầng giao thông, các công trình đường bộ và phục vụ công tác xử lý nước thải bên Cụm gồm sứ Tân Hạnh
27	Bồn chứa dung dịch dinh dưỡng - V = 2m ³ - Dạng đứng - Vật liệu: Composite	Cái	1	Theo nhu cầu thực tế	Phục vụ công tác bảo dưỡng thường xuyên hạ tầng giao thông, các công trình đường bộ và phục vụ công tác xử lý nước thải bên Cụm gồm sứ Tân Hạnh
28	Bồn chứa dung dịch keo tụ - V = 2m ³ - Dạng đứng - Vật liệu: Composite	Cái	1	Theo nhu cầu thực tế	Phục vụ công tác bảo dưỡng thường xuyên hạ tầng giao thông, các công trình đường bộ và phục vụ công tác xử lý nước thải bên Cụm gồm sứ Tân Hạnh

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	DVT	Số lượng dự kiến ban hành	Ghi chú	
				Căn cứ pháp lý đề xuất	Mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản
29	Bồn chứa dung dịch NaOCl - V = 2m3 - Dạng đứng - Vật liệu: Composite	Cái	1	Theo nhu cầu thực tế	Phục vụ công tác bảo dưỡng thường xuyên hạ tầng giao thông, các công trình đường bộ và phục vụ công tác xử lý nước thải bên Cụm gồm sứ Tân Hạnh
30	Bồn chứa dung dịch phèn - V = 2m3 - Dạng đứng - Vật liệu: Composite	Cái	1	Theo nhu cầu thực tế	Phục vụ công tác bảo dưỡng thường xuyên hạ tầng giao thông, các công trình đường bộ và phục vụ công tác xử lý nước thải bên Cụm gồm sứ Tân Hạnh
31	Bồn chứa dung dịch polymer - V = 2m3 - Dạng đứng - Vật liệu: Composite	Cái	1	Theo nhu cầu thực tế	Phục vụ công tác bảo dưỡng thường xuyên hạ tầng giao thông, các công trình đường bộ và phục vụ công tác xử lý nước thải bên Cụm gồm sứ Tân Hạnh
32	Cân phân tích - Có khả năng đếm số vật cân, hiển thị % khối lượng - Hiển thị kết quả cân trên màn hình LCD - Giao diện: Cổng RS232 kết nối máy in, máy vi tính - Khả năng cân tối đa: 240 g - Độ phân giải: 0,0001g - Kích thước đĩa cân: 90 mm	Cái	1	Theo nhu cầu thực tế	Phục vụ công tác bảo dưỡng thường xuyên hạ tầng giao thông, các công trình đường bộ và phục vụ công tác xử lý nước thải bên Cụm gồm sứ Tân Hạnh
33	Cánh gạt bùn được chế tạo bằng vật liệu SUS 304 dày 3mm, tấm cao su - Hệ thống giá đỡ motor	Cái	4	Theo nhu cầu thực tế	Phục vụ công tác bảo dưỡng thường xuyên hạ tầng giao thông, các công trình đường bộ và phục vụ công tác xử lý nước thải bên Cụm gồm sứ Tân Hạnh

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng dự kiến ban hành	Ghi chú	
				Căn cứ pháp lý đề xuất	Mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản
34	Đầu đo COD - Kết nối, hiển thị với bộ điều khiển trung tâm (mục 1), gồm một module phát và một module thu. - Nguyên lý đo đặc : hấp thụ UV - Ưu điểm : không tiếp xúc với mẫu nước đo nên tăng tuổi thọ thiết bị và dễ dàng bảo trì (không sử dụng hóa chất phản ứng trong quá trình đo) - Dãy đo COD : 0-1000 mg/l - Độ chính xác : +/- 3 % - Độ lặp lại : 0,1 mg/l - Giới hạn phát hiện nhỏ nhất : 1 mg/l	Cái	1	Theo nhu cầu thực tế	Phục vụ công tác bảo dưỡng thường xuyên hạ tầng giao thông, các công trình đường bộ và phục vụ công tác xử lý nước thải bên Cụm gồm sứ Tân Hạnh
35	DO sensor (Bể hiếu khí, Bể Anoxic) - Thang đo Oxy hòa tan: 0 - 20,0mg/l - Nhiệt độ: 0 - 60.0°C	Cái	3	Theo nhu cầu thực tế	Phục vụ công tác bảo dưỡng thường xuyên hạ tầng giao thông, các công trình đường bộ và phục vụ công tác xử lý nước thải bên Cụm gồm sứ Tân Hạnh
36	Đồng hồ đo lưu lượng - Kiểu: điện tử - Phiên bản: Remote - Đường kính: DN100 (D114), PN16 - Độ chính xác: $\pm 0.5\%$ giá trị đo - Cấp độ bảo vệ: IP67 - Nhiệt độ tối đa: 70°C - Điện cực: 1.4435/316L - Tín hiệu suất: Analog 4-20mA kết nối với trung tâm điều khiển PLC - Màn hình hiển thị LCD - Tín hiệu suất: Analog 4-20mA - Nguồn điện: 85-250VAC	Cái	1	Theo nhu cầu thực tế	Phục vụ công tác bảo dưỡng thường xuyên hạ tầng giao thông, các công trình đường bộ và phục vụ công tác xử lý nước thải bên Cụm gồm sứ Tân Hạnh

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng dự kiến ban hành	Ghi chú	
				Căn cứ pháp lý đề xuất	Mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản
37	Dụng cụ thí nghiệm Dụng cụ thủy tinh và các thiết bị phụ trợ: - Bình định mức: 250ml (2 cái) - Ống đong: 100ml (2 cái) - Bình tam giác: 250ml (4 cái) - Bình tam giác: 100ml (2 cái) - Ống hút pipet: 5ml (2 cái) - Ống hút pipet: 10ml (2 cái) - Đũa thủy tinh (2 cái) - Chổi rửa (2 cái) - Cốc thủy tinh: 500ml (4 cái) - Cốc thủy tinh: 250ml (2 cái) - Giấy lọc 47 μ m (2 hộp) - Ống nghiệm P16 (20 ống) - Giá đỡ ống nghiệm (1 cái) - Giá đỡ pipet (1 cái)	Cái	1	Theo nhu cầu thực tế	Phục vụ công tác bảo dưỡng thường xuyên hạ tầng giao thông, các công trình đường bộ và phục vụ công tác xử lý nước thải bên Cụm gồm sứ Tân Hạnh
38	Hệ thống cánh khuấy bể keo tụ - Motor giảm tốc Đặc tính kỹ thuật: - Động cơ: 1.5KW, 380V/ 3 pha/ 50Hz, IP55, class F, 4 poles, IE2 - Tỷ số giảm tốc: 46.25 - Tốc độ: 31rpm - Momen xoắn: 468Nm - Đường kính cốt dương: $\varnothing$ 40 x 80mm - Loại liên kết mặt bích: V1 - Có chế độ bảo vệ quá nhiệt: TH/TF	Cái	2	Theo nhu cầu thực tế	Phục vụ công tác bảo dưỡng thường xuyên hạ tầng giao thông, các công trình đường bộ và phục vụ công tác xử lý nước thải bên Cụm gồm sứ Tân Hạnh
39	Hệ thống cánh khuấy bể phản ứng - Motor giảm tốc Đặc tính kỹ thuật: - Động cơ: 1.5KW, 380V/ 3 pha/ 50Hz, IP55, class F, 4 poles, IE2 - Tỷ số giảm tốc: 15.35 - Tốc độ: 93 - 100rpm - Momen xoắn: 154Nm - Đường kính cốt dương: $\varnothing$ 30 x 70mm - Loại liên kết mặt bích: V1 - Có chế độ bảo vệ quá nhiệt: TH/TF	Cái	2	Theo nhu cầu thực tế	Phục vụ công tác bảo dưỡng thường xuyên hạ tầng giao thông, các công trình đường bộ và phục vụ công tác xử lý nước thải bên Cụm gồm sứ Tân Hạnh

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng dự kiến ban hành	Ghi chú	
				Căn cứ pháp lý đề xuất	Mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản
40	Hệ thống cánh khuấy bề tạo bông - Motor giảm tốc Đặc tính kỹ thuật: - Động cơ: 1.5KW, 380V/ 3 pha/ 50Hz, IP55, class F, 4 poles, IE2 - Tỷ số giảm tốc: 46.25 - Tốc độ: 31rpm - Momen xoắn: 468Nm - Đường kính cốt dương: P40 x 80mm - Loại liên kết mặt bích: V1 - Có chế độ bảo vệ quá nhiệt: TH/TF	Cái	2	Theo nhu cầu thực tế	Phục vụ công tác bảo dưỡng thường xuyên hạ tầng giao thông, các công trình đường bộ và phục vụ công tác xử lý nước thải bên Cụm gồm sứ Tân Hạnh
41	Hệ thống cánh khuấy bồn pha dung dịch dinh dưỡng - Kiểu: Bơm màng - Q = 155L/h - Áp suất: 10 bar - Công suất: 0.25KW, 3 pha/ 380V/ 50Hz	Cái	1	Theo nhu cầu thực tế	Phục vụ công tác bảo dưỡng thường xuyên hạ tầng giao thông, các công trình đường bộ và phục vụ công tác xử lý nước thải bên Cụm gồm sứ Tân Hạnh
42	Hệ thống cánh khuấy bồn pha dung dịch NaOCl - Motor giảm tốc Đặc tính kỹ thuật: - Động cơ: 1.1KW, 380V/ 3 pha/ 50Hz, IP55, class F, 4 poles, IE2 - Tỷ số giảm tốc: 14,4 - Tốc độ: 100-101 rpm - Momen xoắn: 105Nm - Đường kính cốt dương: P30 x 60mm - Loại liên kết mặt bích: V1 - Có chế độ bảo vệ quá nhiệt: TH/TF	Cái	1	Theo nhu cầu thực tế	Phục vụ công tác bảo dưỡng thường xuyên hạ tầng giao thông, các công trình đường bộ và phục vụ công tác xử lý nước thải bên Cụm gồm sứ Tân Hạnh
43	Hệ thống cánh khuấy bồn pha dung dịch phèn - Motor giảm tốc Đặc tính kỹ thuật: - Động cơ: 1.1KW, 380V/ 3 pha/ 50Hz, IP55, class F, 4 poles, IE2 - Tỷ số giảm tốc: 14,4 - Tốc độ: 100-101 rpm - Momen xoắn: 105Nm - Đường kính cốt dương: P30 x 60mm - Loại liên kết mặt bích: V1 - Có chế độ bảo vệ quá nhiệt: TH/TF	Cái	2	Theo nhu cầu thực tế	Phục vụ công tác bảo dưỡng thường xuyên hạ tầng giao thông, các công trình đường bộ và phục vụ công tác xử lý nước thải bên Cụm gồm sứ Tân Hạnh

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	DVT	Số lượng dự kiến ban hành	Ghi chú	
				Căn cứ pháp lý đề xuất	Mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản
44	Hệ thống cánh khuấy bồn pha dung dịch polymer - Motor giảm tốc Đặc tính kỹ thuật: - Động cơ: 1.1KW, 380V/ 3 pha/ 50Hz, IP55, class F, 4 poles, IE2 - Tỷ số giảm tốc: 14,4 - Tốc độ: 100-101 rpm - Momen xoắn: 105Nm - Đường kính cột dương: $\varnothing 30 \times 60\text{mm}$ - Loại liên kết mặt bích: V1 - Có chế độ bảo vệ quá nhiệt: TH/TF	Cái	1	Theo nhu cầu thực tế	Phục vụ công tác bảo dưỡng thường xuyên hạ tầng giao thông, các công trình đường bộ và phục vụ công tác xử lý nước thải bên Cụm gồm sứ Tân Hạnh
45	Hệ thống chống sét - kim thu sét - Kim thu sét cầu INGESCO R=60m - Trụ đỡ kim thu sét STK, L=8m, ĐK đáy $\varnothing 191\text{mm}$, ĐK ngọn $\varnothing 60\text{mm}$ - Cáp đồng trần thu sét - Cọc tiếp địa: D16, L=2,4m - Giếng tiếp địa: D=49, L=20m	Cái	1	Theo nhu cầu thực tế	Phục vụ công tác bảo dưỡng thường xuyên hạ tầng giao thông, các công trình đường bộ và phục vụ công tác xử lý nước thải bên Cụm gồm sứ Tân Hạnh
46	Hệ thống motor và thanh gạt bùn - Motor giảm tốc Đặc tính kỹ thuật: - Động cơ: 0.37KW, 380V/ 3 pha/ 50Hz, IP55, class F, 4 poles, IE2 - Tỷ số giảm tốc: 21769 - Tốc độ: 0,057-0,058rpm - Momen xoắn: 5880Nm - Đường kính cột dương: $\varnothing 75 \times 140\text{mm}$ - Loại liên kết mặt bích - Có chế độ bảo vệ quá nhiệt: TH/TF	Cái	4	Theo nhu cầu thực tế	Phục vụ công tác bảo dưỡng thường xuyên hạ tầng giao thông, các công trình đường bộ và phục vụ công tác xử lý nước thải bên Cụm gồm sứ Tân Hạnh
47	Hệ vi sinh dính bám Đặc tính kỹ thuật: - Diện tích bề mặt bám dính vi sinh: $3393 \pm 115 \text{ m}^2/\text{m}^3$ - Dạng giá thể di động, màu trắng - Vật liệu: HDPE - Đường kính trung bình: 19-22mm (eliptical) - Độ dày: $1 \pm 0,4\text{mm}$ - Tỷ trọng: $170\text{kg}/\text{m}^3$	Cái	15	Theo nhu cầu thực tế	Phục vụ công tác bảo dưỡng thường xuyên hạ tầng giao thông, các công trình đường bộ và phục vụ công tác xử lý nước thải bên Cụm gồm sứ Tân Hạnh

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	DVT	Số lượng dự kiến ban hành	Ghi chú	
				Căn cứ pháp lý đề xuất	Mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản
48	Lưới chắn Biochip - Kích thước: L x B = 1200 x 520mm - Khung inox 304 V50x50x4mm - Tấm đục lỗ: 10mm x 100mm, dày 5mm	Cái	2	Theo nhu cầu thực tế	Phục vụ công tác bảo dưỡng thường xuyên hạ tầng giao thông, các công trình đường bộ và phục vụ công tác xử lý nước thải bên Cụm gồm sứ Tân Hạnh
49	Máng răng cưa - Vật liệu: SUS304, dày 3mm	Cái	4	Theo nhu cầu thực tế	Phục vụ công tác bảo dưỡng thường xuyên hạ tầng giao thông, các công trình đường bộ và phục vụ công tác xử lý nước thải bên Cụm gồm sứ Tân Hạnh
50	Máy đo pH cầm tay - Thang đo pH: -2.000 đến 16.000 pH0. Độ chính xác: $\pm 0,005$ pH - Nhiệt độ: - 5,0 đến +110,0°C. Độ chính xác: $\pm 0,2^\circ\text{C}$ Cung cấp bao gồm: - Máy đo pH/mV/nhiệt độ, - 1 điện cực đo pH/mV/nhiệt độ - 3 bình dung dịch chuẩn pH 4,00, 7,00, 10,00 - Dây treo, pin 4 x 1,5V	Cái	1	Theo nhu cầu thực tế	Phục vụ công tác bảo dưỡng thường xuyên hạ tầng giao thông, các công trình đường bộ và phục vụ công tác xử lý nước thải bên Cụm gồm sứ Tân Hạnh
51	Máy ép bùn - Loại: ép bùn băng tải - Công suất: 2,6 - 5,3m ³ /h - Chiều rộng băng tải: 1000mm - Bùn cô đặc trước xử lý: 1,5% -2,5% - Độ ẩm bùn sau ép: 66-85% Vật liệu: - Khung: inox 304, sơn phủ bạc - Tấm băng tải: P.E.S (sợi polymer) - Công suất điện: 0.75KW, 3 phases, 380V/50Hz	Cái	1	Theo nhu cầu thực tế	Phục vụ công tác bảo dưỡng thường xuyên hạ tầng giao thông, các công trình đường bộ và phục vụ công tác xử lý nước thải bên Cụm gồm sứ Tân Hạnh

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng dự kiến ban hành	Ghi chú	
				Căn cứ pháp lý đề xuất	Mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản
52	Máy khuấy trộn chìm - Lưu lượng: 6,5m³/phút - Tốc độ: 1000rpm Vật liệu: - Thân, cánh: thép không rỉ 316L - Trục: thép không rỉ 316 - Motor - Điện áp: 3 pha/ 380V/ 50Hz - Công suất: 1.5KW	Cái	2	Theo nhu cầu thực tế	Phục vụ công tác bảo dưỡng thường xuyên hạ tầng giao thông, các công trình đường bộ và phục vụ công tác xử lý nước thải bên Cụm gồm sứ Tân Hạnh
53	Máy nén khí - Công suất: 2Hp, 380V/50Hz/ 3 pha - Áp suất làm việc: 7kg/cm²	Cái	1	Theo nhu cầu thực tế	Phục vụ công tác bảo dưỡng thường xuyên hạ tầng giao thông, các công trình đường bộ và phục vụ công tác xử lý nước thải bên Cụm gồm sứ Tân Hạnh
54	Máy phát điện dự phòng - Công suất dự phòng: 165 KVA/132KW - Công suất liên tục: 150 KVA/120KW - Điện áp: 220V/ 380V/ 50Hz - 3 pha, 4 dây - Động cơ - Số xylanh: 6 - kiểu bố trí: thẳng hàng - Kiểu khí nạp: Turbocharged with Aftercooler - Số vòng quay làm việc (rpm): 1500 ĐẦU PHÁT ĐIỆN - Kiểu đầu phát :Mecc Alte – Đồng bộ, không chổi than - Hệ số công suất: 0.8 - Điện áp: 220V / 380 V / 50 Hz	Cái	1	Theo nhu cầu thực tế	Phục vụ công tác bảo dưỡng thường xuyên hạ tầng giao thông, các công trình đường bộ và phục vụ công tác xử lý nước thải bên Cụm gồm sứ Tân Hạnh

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng dự kiến ban hành	Ghi chú	
				Căn cứ pháp lý đề xuất	Mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản
55	Máy quang phổ phân tích COD, N, P Máy quang phổ Spectorphotometer (phân tích đa chỉ tiêu COD, TN, TP...); Phạm vi bước sóng: 330 – 900nm; Thang đo quang học: -0.3 – 2,5Abs; Bề rộng dải sóng: 10mm - Đo được các chỉ tiêu: Acid capacity K, Alkalinity, Aluminium, Ammonia, Arsenic, Boron, Bromine, Cadmium, Chlorine, Chloride, Chromium, COD, Copper, Cyanide, Cyanuric acid, DEHA, Floride, Formaldehyde, Hardness, Hazen, Hydrazine, Hydrogenperoxide, Iodine, Iron, Lead, Manganese, Molybdate, Nickel, Nitrate, Nitrite, Nitrogen-total, Ozone, Phenols, Phosphate-total, pH, Potassium, Silica, Absorption-coefficient, Sulphate, Sulphite, Surfactants, TOC, Turbidity, Urea, Zinc.	Cái	1	Theo nhu cầu thực tế	Phục vụ công tác bảo dưỡng thường xuyên hạ tầng giao thông, các công trình đường bộ và phục vụ công tác xử lý nước thải bên Cụm gồm sứ Tân Hạnh
56	Máy thổi khí (Bể điều hòa T03) - Lưu lượng khí: 4,21m³/phút - Cột áp: 5m - Tốc độ: 2790rpm, Puly: 1 - Vật liệu: Thân máy (Casing): FC200 Nắp hộ số (Gear case): FC200 Cam (Rotor): FCD450 Bánh răng: SCM415 Oil seal: Fluoro rubber Oil seal: N.B.R Máy thổi khí (Bể hiếu khí T07) - Lưu lượng khí: 5,46m³/phút - Cột áp: 4,5m - Tốc độ: 34800rpm, Puly: 4 - Vật liệu: Thân máy (Casing): FC200 Nắp hộ số (Gear case): FC200 Cam (Rotor): FCD450 Bánh răng: SCM415	Cái	6	Theo nhu cầu thực tế	Phục vụ công tác bảo dưỡng thường xuyên hạ tầng giao thông, các công trình đường bộ và phục vụ công tác xử lý nước thải bên Cụm gồm sứ Tân Hạnh

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng dự kiến ban hành	Ghi chú	
				Căn cứ pháp lý đề xuất	Mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản
57	Máy tính quan sát và điều khiển - CPU core i3 - 4160-3.6Hz, 4 GB Ram, HDD 500 Gb, đĩa quang DVDRW - Màn hình máy tính 19.5", bàn phím với cổng kết nối USB, chuột quang, loa, phần mềm Windows cài sẵn	Cái	1	Theo nhu cầu thực tế	Phục vụ công tác bảo dưỡng thường xuyên hạ tầng giao thông, các công trình đường bộ và phục vụ công tác xử lý nước thải bên Cụm gồm sứ Tân Hạnh
58	Bơm bùn thải (Bể chứa bùn trung gian sinh học T09) - Kiểu bơm: dạng bơm chìm - Lưu lượng: 20m ³ /h - Cột áp: 9m - Công suất: 1.5KW, 3 pha, 380V, 50Hz - Độ bảo vệ: IP68, class E - Chế độ bảo vệ quá nhiệt dạng auto-cut - Kích thước chân rắn đi qua: 42mm - Vật liệu: Thân bơm: Gang đúc F Cánh bơm: Cánh hở (vorto) Gang đúc FC200 Trục: Thép không gỉ SUS402J2	Cái	4	Theo nhu cầu thực tế	Phục vụ công tác bảo dưỡng thường xuyên hạ tầng giao thông, các công trình đường bộ và phục vụ công tác xử lý nước thải bên Cụm gồm sứ Tân Hạnh
59	Motor máy thổi khí (Bể điều hòa) - Điện áp: 3 pha/ 380V/ 50Hz - Công suất: 5.5KW	Cái	3	Theo nhu cầu thực tế	Phục vụ công tác bảo dưỡng thường xuyên hạ tầng giao thông, các công trình đường bộ và phục vụ công tác xử lý nước thải bên Cụm gồm sứ Tân Hạnh
60	Motor máy thổi khí (Bể hiếu khí) - Điện áp: 3 pha/ 380V/ 50Hz - Công suất: 7.5KW	Cái	3	Theo nhu cầu thực tế	Phục vụ công tác bảo dưỡng thường xuyên hạ tầng giao thông, các công trình đường bộ và phục vụ công tác xử lý nước thải bên Cụm gồm sứ Tân Hạnh
61	Ổng trung tâm - Đường kính D x H = 1910 x 2000mm - Vật liệu: SUS304, dày 3mm - Bao gồm: pát, khe cố định ống lắng	Cái	4	Theo nhu cầu thực tế	Phục vụ công tác bảo dưỡng thường xuyên hạ tầng giao thông, các công trình đường bộ và phục vụ công tác xử lý nước thải bên Cụm gồm sứ Tân Hạnh

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	DVT	Số lượng dự kiến ban hành	Ghi chú	
				Căn cứ pháp lý đề xuất	Mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản
62	Sensor đo pH, nhiệt độ Bộ hiển thị kết nối đa chỉ tiêu, kết nối thông số pH, TSS, nhiệt độ - Hiển thị các giá trị pH, TSS, nhiệt độ liên tục; Nhiệt độ làm việc: -20 đến 70 °C; Nguồn hoạt động: 100-240 VAC, 50/60 Hz; Ngõ ra: 2 ngõ ra 0/4-20 mA, 3 ngõ ra relay 10A, 230VDC - Màn hình hiển thị: LCD, bảo vệ UV cho màn hình; Tích hợp chế độ tự động chuẩn đoán lỗi sensor - Cấp bảo vệ: NEMA4X - Kết nối với bộ hiển thị 2000 - Thang đo: pH 0-14; nhiệt độ: 10-100 độ C - Loại: điện cực phẳng, tránh bám bẩn; vỏ và điện cực tách rời nhau (dễ dàng thay thế); Có tích hợp bù nhiệt độ đi kèm; Sai số: $\pm (1-2)\%$ - Cấp bảo vệ: IP68 ngâm trong nước; Tự động làm sạch bằng khí nén	Cái	1	Theo nhu cầu thực tế	Phục vụ công tác bảo dưỡng thường xuyên hạ tầng giao thông, các công trình đường bộ và phục vụ công tác xử lý nước thải bên Cụm gồm sứ Tân Hạnh
63	Sensor đo TSS (Tổng chất rắn lơ lửng) - Sensor TSS - Kết nối với bộ hiển thị 2000 - Nguyên lý đo: quang học - Thang đo: 0-30.000 mg/l - Nhiệt độ làm việc: -20 đến 70°C - Tự động làm sạch bằng khí nén - Vật liệu: PVC chống ăn mòn - Cấp bảo vệ: IP68 ngâm trong nước - Cấp kết nối: 10m tiêu chuẩn	Cái	1	Theo nhu cầu thực tế	Phục vụ công tác bảo dưỡng thường xuyên hạ tầng giao thông, các công trình đường bộ và phục vụ công tác xử lý nước thải bên Cụm gồm sứ Tân Hạnh
64	Song chắn rác thô - Kích thước: L x R = 5 x 3,8m - Kích thước khe: 5mm - Vật liệu: inox 304	Cái	1	Theo nhu cầu thực tế	Phục vụ công tác bảo dưỡng thường xuyên hạ tầng giao thông, các công trình đường bộ và phục vụ công tác xử lý nước thải bên Cụm gồm sứ Tân Hạnh

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng dự kiến ban hành	Ghi chú	
				Căn cứ pháp lý đề xuất	Mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản
65	Tấm chắn bọt - Vật liệu: SUS304, dày 3mm	Cái	4	Theo nhu cầu thực tế	Phục vụ công tác bảo dưỡng thường xuyên hạ tầng giao thông, các công trình đường bộ và phục vụ công tác xử lý nước thải bên Cụm gồm sứ Tân Hạnh
66	Thiết bị đo lưu lượng kênh hở - Thiết bị đo lưu lượng tự động cho mương hở, đo được cho các mương hở có lưu lượng: 0~20,000 m ³ /ngày đêm - Phương pháp đo: siêu âm, không tiếp xúc trực tiếp với nước - Kiểu máng đo thủy lực: loại đập chắn có khe hình chữ V hoặc đập chắn cửa chữ nhật có thu dòng tự tạo hoặc máng đo Parshall....(phù hợp với kênh đo lưu lượng có sẵn tại nhà máy) - Cấp kết nối từ sensor đến transmitter: 5 m - Dòng điện ra analog 0/4~20mA - Màn hình LCD, hiển thị lưu lượng tức thời và lưu lượng tổng - Gắn tường, cấp bảo vệ IP65 cho transmitter, IP68 cho sensor	Cái	1	Theo nhu cầu thực tế	Phục vụ công tác bảo dưỡng thường xuyên hạ tầng giao thông, các công trình đường bộ và phục vụ công tác xử lý nước thải bên Cụm gồm sứ Tân Hạnh
67	Thiết bị đo pH tự động (Bể phản ứng) - Thang đo: 0-14pH, 0-80°C - Độ nhạy: +/- 0,01pH	Cái	2	Theo nhu cầu thực tế	Phục vụ công tác bảo dưỡng thường xuyên hạ tầng giao thông, các công trình đường bộ và phục vụ công tác xử lý nước thải bên Cụm gồm sứ Tân Hạnh
68	Thiết bị đo pH tự động: - Loại: đặt ngoài trời - Tín hiệu ra: Một cổng tín hiệu 0/4-20mA - Hiển thị giá trị đo trên màn hình tinh thể lỏng - Nguồn cấp: 220VAC - Cấp độ bảo vệ: IP65 và điện cực IP68	Cái	2	Theo nhu cầu thực tế	Phục vụ công tác bảo dưỡng thường xuyên hạ tầng giao thông, các công trình đường bộ và phục vụ công tác xử lý nước thải bên Cụm gồm sứ Tân Hạnh

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng dự kiến ban hành	Ghi chú	
				Căn cứ pháp lý đề xuất	Mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản
69	Thiết bị phản ứng COD - Nhiệt độ gia nhiệt: 100/120/150°C - Đo COD (150°C), TOC (120°C), Nitrogen tổng - Phosphate tổng - Chromium tổng (100°C),... - Chế độ cài đặt thời gian 30, 60, 120 phút và tự động ngắt khi nhiệt độ đạt đến điểm cài đặt - Nguồn điện 220-240V/50-60Hz	Cái	1	Theo nhu cầu thực tế	Phục vụ công tác bảo dưỡng thường xuyên hạ tầng giao thông, các công trình đường bộ và phục vụ công tác xử lý nước thải bên Cụm gồm sứ Tân Hạnh
70	Thiết bị đo DO (Bể hiếu khí, Bể Anoxic) - Loại: đặt ngoài trời - Tín hiệu ra: Một cổng tín hiệu 0/4-20mA, kết nối với PLC và hệ thống giám sát SCADA - Hiển thị giá trị đo trên màn hình tinh thể lỏng - Nguồn cấp: 220VAC - Cấp độ bảo vệ: IP65 và điện cực IP68	Cái	3	Theo nhu cầu thực tế	Phục vụ công tác bảo dưỡng thường xuyên hạ tầng giao thông, các công trình đường bộ và phục vụ công tác xử lý nước thải bên Cụm gồm sứ Tân Hạnh
71	Trục khuấy được chế tạo bằng vật liệu SUS304 (Bể phản ứng, Bể keo tụ, Bể tạo bông) - Cánh khuấy được chế tạo bằng vật liệu SUS304, dày 5mm - Hệ thống giá đỡ motor	Cái	6	Theo nhu cầu thực tế	Phục vụ công tác bảo dưỡng thường xuyên hạ tầng giao thông, các công trình đường bộ và phục vụ công tác xử lý nước thải bên Cụm gồm sứ Tân Hạnh
72	Trục khuấy, cánh khuấy được chế tạo bằng vật liệu SUS304, hệ thống giá đỡ motor (Bể phản ứng, Bể keo tụ, Bể hiếu khí, Bể khử trùng, Bể chứa bùn hóa lý và sinh học T13)	Cái	5	Theo nhu cầu thực tế	Phục vụ công tác bảo dưỡng thường xuyên hạ tầng giao thông, các công trình đường bộ và phục vụ công tác xử lý nước thải bên Cụm gồm sứ Tân Hạnh
73	Tủ ấm BOD - Thể tích: 175 - 180l (cơ sở) - Nhiệt độ: 2°C đến 40°C - Sai số nhiệt độ: $\pm 0.5^{\circ}\text{C}$ - Công suất : 230V/50Hz - Trọng lượng: 51kg	Cái	1	Theo nhu cầu thực tế	Phục vụ công tác bảo dưỡng thường xuyên hạ tầng giao thông, các công trình đường bộ và phục vụ công tác xử lý nước thải bên Cụm gồm sứ Tân Hạnh

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng dự kiến ban hành	Ghi chú	
				Căn cứ pháp lý đề xuất	Mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản
74	Tủ điện và phụ kiện lắp đặt Tủ điện, chống sét, và các phụ kiện lắp đặt khác - Tủ điện lắp đặt ngoài trời là loại tủ 2 lớp, sơn tĩnh điện, có mái che, thông gió bằng quạt và cách điện tốt, kích thước tủ: 1000x1800x600 hoặc tương đương - Biến áp cách ly nguồn - Bồn đo trung gian: vật liệu inox 304 - Bơm hút mẫu đo đặc Panasonic - Máy nén khí làm sạch sensor đo - Các phụ kiện khác như: CB, domino, đầu cos, nguồn DC, ống nhựa, đầu nối... - Máy tính quan sát, điều khiển	Cái	1	Theo nhu cầu thực tế	Phục vụ công tác bảo dưỡng thường xuyên hạ tầng giao thông, các công trình đường bộ và phục vụ công tác xử lý nước thải bên Cụm gồm sứ Tân Hạnh
75	Tủ sấy đối lưu cưỡng bức - Thể tích: 108L; Nhiệt độ từ: 10°C trên môi trường đến 300°C; Đối lưu không khí bằng quạt; Bộ điều khiển bằng vi xử lý PID đa chức năng với màn hình hiển thị màu bằng cảm ứng điện dung (TFT);- Bảng điều khiển nhiệt độ ControlCOCKPIT điều khiển các thông số: nhiệt độ (0°C hoặc 0F), vị trí cửa đối lưu khí, chương trình thời gian - Chức năng bảo vệ quá nhiệt: kiểm soát quá nhiệt bằng điện tử và bộ giới hạn nhiệt độ dạng cơ TB, cấp bảo vệ class 1 theo tiêu chuẩn DIN 12 880 tự ngắt khi nhiệt độ vượt quá khoảng 200°C trên nhiệt độ cài đặt - Chế độ hoạt động: chạy liên tục và chạy theo thời gian từ 1 phút đến 99 ngày; Nguồn điện: 1 pha/ 220V/50-60Hz	Cái	1	Theo nhu cầu thực tế	Phục vụ công tác bảo dưỡng thường xuyên hạ tầng giao thông, các công trình đường bộ và phục vụ công tác xử lý nước thải bên Cụm gồm sứ Tân Hạnh

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng dự kiến ban hành	Ghi chú	
				Căn cứ pháp lý đề xuất	Mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản
II	Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao				
76	Hệ thống cụm thu phát thanh	Hệ thống	1	Theo nhu cầu thực tế	Nhiệm vụ thông tin, tuyên truyền đến 30 phường, xã.
76.1	Thiết bị bị thu phát truyền thanh thông minh ứng dụng CNTT-VT - Thông số kỹ thuật + CPU: (575/580 MHz) + Bộ nhớ flash 32MB - Ram 128MB - Thẻ nhớ ngoài 16Gb (FAT) + Đầu vào mic: 02 kênh; Đầu ra audio: 4 kênh + Công suất ra: 50W/4Ω/16Ω/21V - 30W/8Ω/24V + Kết nối mạng: cổng Ethernet - Sim 3G/4G các nhà mạng + Đi kèm bản quyền phần mềm điều khiển, firmware. + Có mạch thu FM dải tần 87 ~ 108 Mhz - Có switch chuyển nguồn tín hiệu thu FM hay sóng di động (nhân công); + Thu phát được nội dung của đài phát/truyền thanh 4 cấp (cấp TW, tỉnh, huyện, xã)	Bộ	40		
76.2	Bộ thu điện năng lượng mặt trời (lắp đặt hỗ trợ cụm MIRA tại các vị trí không bố trí được nguồn điện)	Bộ	30		

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng dự kiến ban hành	Ghi chú	
				Căn cứ pháp lý đề xuất	Mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản
76.3	Máy tính điều khiển - Bộ vi xử lý: Intel® Core™ i3-1005G1 (tần số cơ bản: 1.2 GHz, nâng cấp lên 3.4 GHz với Công nghệ Intel® Turbo Boost, bộ nhớ đệm: 4 MB L3, 2 lõi) - Bộ nhớ tiêu chuẩn: 8 GB DDR4-2666 SDRAM (1 x 8 GB) - Đồ họa Video: Intel® UHD Graphics - Ổ Cứng: 512 GB PCIe® NVMe™ M.2 SSD - Hiển thị: 39,6 cm (15.6") diagonal HD SVA BrightView micro-edge WLED-backlit, 220 nits, 45% NTSC (1366 x 768) - Kết nối không dây: Realtek RTL8821CE 802.11b/g/n/ac (1x1) Wi-Fi® and Bluetooth® 4.2 Combo	Bộ	1		
77	Hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông cho các phường: Hóa An, Hiệp Hòa, Tân Hạnh, An Hòa, Phước Tân, Tam Phước	Hệ thống	1	Theo nhu cầu thực tế	Phục vụ công tác tuyên truyền
77.1	Thiết bị thu phát truyền thanh thông minh ứng dụng CNTT-VT - Thông số kỹ thuật + CPU: (575/580 MHz) + Bộ nhớ flash 32MB - Ram 128MB - Thẻ nhớ ngoài 16Gb (FAT) + Đầu vào mic: 02 kênh; Đầu ra audio: 4 kênh + Công suất ra: 50W/4Ω/16Ω/21V - 30W/8Ω/24V + Kết nối mạng: cổng Ethernet - Sim 3G/4G các nhà mạng + Đi kèm bản quyền phần mềm điều khiển, firmware. + Có mạch thu FM dải tần 87 ~ 108 Mhz - Có switch chuyển nguồn tín hiệu thu FM hay sóng di động (nhân công); + Thu phát được nội dung của đài phát/truyền thanh 4 cấp (cấp TW, tỉnh, huyện, xã).	Bộ	577		

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng dự kiến ban hành	Ghi chú	
				Căn cứ pháp lý đề xuất	Mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản
77.2	Sim data 4G	Chiếc	577		
77.3	Loa truyền thanh ngoài trời Công suất 30 W (Công suất di động: 15 W) Trờ kháng 8 Ω - Cường độ âm 113 dB (1 W, 1 m tại 500 Hz to 2.5 kHz mức đỉnh) - Đáp tuyến tần số 250 Hz - 10 kHz - Tiêu chuẩn chống bụi/nước IP65 - Cực dây Hot: Đen, Com: Trắng - Nhiệt độ hoạt động -20 °C tới +55 °C (không ngưng tụ) - Vật liệu Phần vành loa: nhôm, màu trắng đục - Phần phản xạ của loa: nhựa ABS, màu trắng đục - Viền gắn khung: nhôm, màu xám, sơn tĩnh điện - Khung, tai gắn và ốc vít: bằng thép không gỉ - Hãng sản xuất đáp ứng tiêu chuẩn ISO 14001:2015 và ISO 9001:2015	Chiếc	1.154		
77.4	Máy tính điều khiển - Bộ vi xử lý: Intel® Core™ i3-1005G1 (tần số cơ bản: 1.2 GHz, nâng cấp lên 3.4 GHz với Công nghệ Intel® Turbo Boost, bộ nhớ đệm: 4 MB L3, 2 lõi) - Bộ nhớ tiêu chuẩn: 8 GB DDR4-2666 SDRAM (1 x 8 GB) - Đồ họa Video: Intel® UHD Graphics - Ổ Cứng: 512 GB PCIe® NVMe™ M.2 SSD - Hiển thị: 39,6 cm (15,6") diagonal HD SVA BrightView micro-edge WLED-backlit, 220 nits, 45% NTSC (1366 x 768) - Kết nối không dây: Realtek RTL8821CE 802.11b/g/n/ac (1x1) Wi-Fi® and Bluetooth® 4,2 Combo	Bộ	30		

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng dự kiến ban hành	Ghi chú	
				Căn cứ pháp lý đề xuất	Mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản
77.5	Cột điện bát giác - Chiều cao: 8m - Đường kính ngọn (D1): 60mm - Đường kính đáy (D2): 150mm - Chân đế: 375x375x10mm	Cột	220		
77.6	Bộ thiết bị số hóa - Bộ vi xử lý: Intel Pentium, 04 nhân/04 luồng, $\geq 1,5$ GHz - Bộ nhớ: 8GB DDR4 - Ổ cứng: SSD 120GB - Màn hình: Led $\geq 18"$, chuẩn kết nối HDMI - Bao gồm: Bàn phím, Chuột, Card âm thanh.	Bộ	1		
77.7	Thiết bị năng lượng mặt trời và phụ kiện - Tấm pin 190W - Kích thước: 1480x670x35 mm - Trọng lượng: 11,18 kg - Bình ắc quy 12V 100AH - Inverter 1000W	Bộ	30		
III	UBND phường Tam Phước				
78	Hệ thống âm thanh hội trường Trung tâm Văn hóa thể thao - Học tập cộng đồng: - Mixer tích hợp Amplifier công suất 500W, 19" - Micro không dây UHF, 2channel - 2micro cầm tay - Micro cổ ngỗng phát biểu	Bộ	1		Phục vụ công tác hội nghị
79	Hệ thống âm thanh Nhà Văn hóa gồm: - Bộ khuếch đại công suất 4 kênh. - Số Kênh: 12 Kênh - Dải tần số sóng mang 780MHz-830MHz. - Micro cổ ngỗng; Đáp tuyến số: 30-13.000Hz	Bộ	1		Phục vụ công tác hội nghị
IV	UBND phường Phước Tân				

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng dự kiến ban hành	Ghi chú	
				Căn cứ pháp lý đề xuất	Mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản
80	Xuồng Composite - Chất lượng: mới 100% - Loại: Xuồng chèo tay - Chất liệu: Composite - Chiều dài: 5,5m - Chiều rộng: 1,0m - Chiều sâu: 0,27m - Hoành: 1,26m - Trọng tải vật tĩnh: 400kg - Sức chở tối đa: 06 người	Cái	2	Quyết định số 100/QĐ-UBND ngày 25/3/2022 của UBND tỉnh phê duyệt phương án phòng chống thiên tai, phòng cháy chữa cháy rừng và tìm kiếm cứu hộ cứu nạn trên địa bàn phường Phước Tân	Dùng để ứng phó kịp thời khi có ngập úng xảy ra khi mưa lớn kéo dài hoặc nước mưa thượng nguồn về tại một số khu vực trên địa bàn phường
81	Hệ thống âm thanh hội trường Trung tâm Văn hóa thể thao - Học tập cộng đồng + 4 loa line array full 25cm + 2 loa sub điện bass 50 (2 chiếc) + 1 mixer + 1 bộ xử lý + 2 loa + Micro không dây	Bộ	1	Theo nhu cầu thực tế	Phục vụ công tác hội nghị
82	Máy chiếu Công nghệ 3 LCD Độ tương phản cực cao: 20.000:1 Cường độ chiếu sáng: 4.200 Ansi Lumens Độ phân giải: XGA (1024 x 768) Nén UXGA 1600x1200 Công nghệ BrightEraTM giúp tăng cường ánh sáng Tuổi thọ bóng đèn: 10.000 giờ Cổng kết nối: HDMI x 2, VGA x 2, VIDEO, S VIDEO, USB -Tybe A, USB -Tybe B, RS232, Microphone Màn chiếu điện 96*96 (2,44m x 2,44m)	Cái	1	Theo nhu cầu thực tế	Phục vụ công tác hội nghị tại Trung tâm Văn hóa thể thao - Học tập cộng đồng



Phụ lục IV-C

**BỔ SUNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG CỦA
UBND HUYỆN TRẢNG BOM VÀ CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 12/2024/QĐ-UBND ngày 20 tháng 02 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	DVT	Số lượng dự kiến ban hành	Ghi chú	
				Căn cứ pháp lý đề xuất	Mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản
I	Văn phòng Huyện ủy				
1	Máy in Laser màu A3 - Tốc độ in 26 trang/phút (A4) Bản màu/ Bản đơn sắc 15 trang/phút (A3) Bản màu/ Bản đơn sắc - Độ phân giải 600x600 dpi, 1200 x 1200 dpi, 9600 x 600dpi. - Chức năng in 2 mặt tự động - Màn hình LCD 5 dòng - Bộ nhớ 512 MB - Giấy vào Khay giấy cassette 250 tờ, khay tay 100 tờ Khả năng chứa giấy tối đa 2000 tờ - Kết nối USB 2.0 tốc độ cao, Gigabit Ethernet Mực Cartridge 335E (BK: 7.000 trang, C/M/Y: 7.400 trang) Cartridge 335 (BK: 13.000 trang, C/M/Y: 16.500 trang) - Công Suất 75.000 trang	Cái	1	Theo nhu cầu thực tế	Phục vụ in giấy khen
2	Máy hút ẩm - Công suất hút ẩm: 192 lít/ngày (ở điều kiện 30°C, 70%) - Lưu lượng gió danh định: 2500 m ³ /giờ. - Công suất điện tiêu thụ: 4,53kW - Dòng danh định: 8,4A - Độ ồn: 59dB - Nguồn điện: 380V/50Hz/3 pha	Cái	4	Theo nhu cầu thực tế	Phục vụ lưu trữ, bảo quản tài liệu kho lưu trữ

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng dự kiến ban hành	Ghi chú	
				Căn cứ pháp lý đề xuất	Mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản
3	Máy hủy tài liệu - Kiểu hủy: Hủy Sợi. - Công suất hủy : 26 – 28 tờ (80gsm/A4), 30 - 32 tờ (70gsm/A4). - Kích cỡ hủy (mm): 4. - Tốc độ hủy (m/phút): 4,8. - Độ rộng miệng hủy (mm): 310. - Khả năng hủy: giấy, kẹp giấy, kim bấm, thẻ Credit, CD. - Thùng gỗ chất lượng cao. - Chế độ làm việc liên tục. - Lưỡi cắt bằng thép, độ bền cao. - Công suất (W): 640. - Thẻ tích thùng chứa (lít): 120	Cái	2	Theo nhu cầu thực tế	Phục vụ hủy văn bản kho lưu trữ
II	Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị huyện				
4	Máy chiếu: Bóng đèn 240W, tuổi thọ 5.000-7.000 giờ. Kích thước chiếu 40-300".	Cái	3	Theo nhu cầu thực tế	Phục vụ công tác giảng dạy
5	Màn hình LED: Kích thước 320mm x 160 mm. Độ phân giải 128 x 64 (pixel). Khoảng cách điểm ảnh 2.5mm. Chủng loại Led: 3 in 1 SMD 2020. Chế độ quét liên tục 1/32. Tuổi thọ Led 100.000 giờ. Cường độ ánh sáng 1500mcd. Khung màn hình: khung sắt hộp mạ kẽm, có ốp nhôm alu màu bo viền xung quanh.	Cái	1	Theo nhu cầu thực tế	Phục vụ công tác giảng dạy



Phu lục VI-C

**BỔ SUNG MÁY MÓC THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG
CỦA UBND HUYỆN ĐỊNH QUÁN VÀ CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 12 /2024/QĐ-UBND ngày 20 tháng 02 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng dự kiến ban hành	Ghi chú	
				Căn cứ pháp lý đề xuất	Mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản
	Trung tâm Văn hóa, Thông tin và thể thao				
	Máy vi tính xách tay Card đồ họa rời Lưu trữ SSD 512GB Màn hình 15,6 inch - Bo mạch chủ (mainboard): + Chipset Intel + S/p Intel Core (i7, i5, i3) . + 1 x Headphone, 1 x Microphone, 2 x PCIe (16x), 2 x PCIe x1, 1 x D-Sub, 1 x DVI-D, 1 x HDMI, 1 x Display port, 12 USB (6 x USB 3.2 Gen 1 port(s), 6 x USB 2.0 + 2 x M.2 22110_2280, 2260, 2242 (both SATA & x2 PCIE mode) + 4 x SATA hoặc SSD 6.0 Gb/s Ports, Intel® Rapid Storage Technology supports Raid 0,1,5,10, Intel® Optane™ Memory Ready; 1 x SPDIF out header, 1 x Chassis intrusion header, 1 x TPM 2.0 IC - Bộ vi xử lý: Tối thiểu Intel® Core™ i7 - Bộ nhớ: Tối thiểu Ram 8GB	Bộ	1	Theo nhu cầu thực tế	Chuyên dùng thiết kế đồ họa, dựng phim, hình ảnh



Phụ lục VII-C

**BỘ SUNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG CỦA
UBND HUYỆN TÂN PHÚ VÀ CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 12 /2024/QĐ-UBND ngày 20 tháng 02 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	DVT	Số lượng dự kiến ban hành	Ghi chú	
				Căn cứ pháp lý đề xuất	Mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản
	Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao huyện Tân Phú				
1	Chân máy quay: - Số đoạn chân: 3 - Điều chỉnh góc Xoay ngang 360 độ - Điều chỉnh góc xoay dọc 90 độ	Bộ	2	Theo nhu cầu thực tế	Dùng ghi hình tuyên truyền hoạt động kinh tế, chính trị, VHXX của địa phương
2	Máy quay phim chuyên dụng Độ phân giải 20MP, hiệu dụng 14.2 MP Ống kính Sony G Zoom quang có thể phóng tối đa 24 lần, Filter 62mm UHD 4K, HD 120 fps Công nghệ cảm biến Exmor RS CMOS Có chức năng quay Slow Motion và Quick Motion Màn hình LCD OLED 1440K	Cái	2	Theo nhu cầu thực tế	Dùng ghi hình tuyên truyền hoạt động kinh tế, chính trị, VHXX của địa phương
3	Máy nhắc chữ phòng quay + 1 màn hình nhắc lời 19.5inch + 1 kính quang phổ nhập khẩu + 1 chân đỡ máy, bộ giá đỡ, khung vải đen	Bộ	1	Theo nhu cầu thực tế	Phục vụ việc lên hình phát thanh viên khi đọc, đảm bảo chất lượng lên hình đạt chất lượng cao
4	Laptop - Tai nghe MSI H991Ram Laptop Patriot DDR4 1x8Gb CL22 bus 3200 Sodimm (PSD48G320081S)	Bộ	1	Theo nhu cầu thực tế	Dùng để dựng hình ảnh âm thanh, xử lý tín hiệu video, trình chiếu, phục vụ hoạt động phát thanh truyền hình trực tiếp.

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng dự kiến ban hành	Ghi chú	
				Căn cứ pháp lý đề xuất	Mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản
5	Máy vi tính PC: Bộ vi xử lý Intel Core i5 10400F - RAM Kingston HyperX Fury Black 1x8G bus 2666 - Card màn hình MSI GeForce® GTX 1660 SUPER Ventus XS OC 6GB GDDR6 - SSD Lexar NS100 128GB 2.5"sata3 - Nguồn SilverStone 500W ST50F-ES230 80 Plus (500W)	Bộ	1	Theo nhu cầu thực tế	Dùng để dựng hình ảnh âm thanh, xử lý tín hiệu video đầu vào
6	Loa LINE ARRAY (Loa full tích hợp sẵn công suất) - Loa bass 2 x 6,5" + Treble 1 x M-60 - Công suất liên tục: 400W - Công suất đỉnh: 800W	Cái	16	Theo nhu cầu thực tế	Dùng để phục vụ các hoạt động văn hóa, văn nghệ và các sự kiện văn hóa của địa phương
7	Loa Sub (treo cùng loa Line Array) Loa Sub tích hợp sẵn công suất - Loa Bass 1 x 15" - Công suất liên tục: 600W - Công suất đỉnh: 1200W	Cái	2	Theo nhu cầu thực tế	Dùng để phục vụ các hoạt động văn hóa, văn nghệ và các sự kiện văn hóa của địa phương
8	Loa siêu trầm đôi 2 x 18" tích hợp công suất - Loa Bass 2 x 18" - Công suất liên tục: 2000W - Công suất đỉnh: 4000W	Cái	4	Theo nhu cầu thực tế	Dùng để phục vụ các hoạt động văn hóa, văn nghệ và các sự kiện văn hóa của địa phương
9	Giá treo loa (tối đa 16 loa)	Cái	2	Theo nhu cầu thực tế	Dùng để phục vụ các hoạt động văn hóa, văn nghệ và các sự kiện văn hóa của địa phương
10	Đĩa đệm để cố định khi treo loa chung	Cái	2	Theo nhu cầu thực tế	Dùng để phục vụ các hoạt động văn hóa, văn nghệ và các sự kiện văn hóa của địa phương

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng dự kiến ban hành	Ghi chú	
				Căn cứ pháp lý đề xuất	Mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản
11	Loa - Loa: Bass 1 x 15", Treble 1 x M-28 - Công suất liên tục: 750 W - Công suất đỉnh: 1500 W	Cái	4	Theo nhu cầu thực tế	Dùng để phục vụ các hoạt động văn hóa, văn nghệ và các sự kiện văn hóa của địa phương
12	Micro không dây cầm tay kỹ thuật số	Bộ	6	Theo nhu cầu thực tế	Dùng để phục vụ các hoạt động văn hóa, văn nghệ và các sự kiện văn hóa của địa phương
13	Micro cổ ngỗng (dùng cho bục phát biểu)	Cái	2	Theo nhu cầu thực tế	Dùng để phục vụ các hoạt động văn hóa, văn nghệ và các sự kiện văn hóa của địa phương
14	Đế dùng cho Micro cổ ngỗng	Cái	2	Theo nhu cầu thực tế	Dùng để phục vụ các hoạt động văn hóa, văn nghệ và các sự kiện văn hóa của địa phương
15	Mixer kỹ thuật số	Cái	1	Theo nhu cầu thực tế	Dùng để phục vụ các hoạt động văn hóa, văn nghệ và các sự kiện văn hóa của địa phương
16	Bộ chuyển đổi tín hiệu đường dài 16 in/8 out - 16 Mic Preamp trên XLR với đèn LED Nguồn Phantom 8 XLR Line Outs - Tương thích với phần cứng dLive S Class và dLive C Class - Có sẵn bộ giá treo 19 inch tùy chọn - Cắm và chạy - không cần địa chỉ IP - Tương thích với cáp CAT5e (hoặc cao hơn) lên đến 100m	Cái	1	Theo nhu cầu thực tế	Dùng để phục vụ các hoạt động văn hóa, văn nghệ và các sự kiện văn hóa của địa phương

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng dự kiến ban hành	Ghi chú	
				Căn cứ pháp lý đề xuất	Mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản
17	Hộp cáp CAT6 dài 100m, có trục cuộn	Hộp	1	Theo nhu cầu thực tế	Dùng để phục vụ các hoạt động văn hóa, văn nghệ và các sự kiện văn hóa của địa phương
18	Bàn điều khiển ánh sáng 2048 kênh DMX512 - Nguồn điện: AC100-240V 50/60Hz - Có thể điều khiển 200 đèn cùng lúc hoặc làm mờ 200 chiếc cùng lúc - Hiệu ứng đồ họa tích hợp, dễ dàng đạt được vòng X/Y, hiệu ứng cầu vòng RGI, đèn cuộn và các hiệu ứng khác	Cái	1	Theo nhu cầu thực tế	Dùng để phục vụ các hoạt động văn hóa, văn nghệ và các sự kiện văn hóa của địa phương
19	Đèn Beam 300W	Cái	10	Theo nhu cầu thực tế	Dùng để phục vụ các hoạt động văn hóa, văn nghệ và các sự kiện văn hóa của địa phương
20	Waterproof Led Par RGBW 3 in 1	Cái	24	Theo nhu cầu thực tế	Dùng để phục vụ các hoạt động văn hóa, văn nghệ và các sự kiện văn hóa của địa phương
21	LED par light 4 in 1	Cái	16	Theo nhu cầu thực tế	Dùng để phục vụ các hoạt động văn hóa, văn nghệ và các sự kiện văn hóa của địa phương
22	Máy khói 3000W	Cái	1	Theo nhu cầu thực tế	Dùng để phục vụ các hoạt động văn hóa, văn nghệ và các sự kiện văn hóa của địa phương
23	Bộ chi tín hiệu 8 kênh	Cái	1	Theo nhu cầu thực tế	Dùng để phục vụ các hoạt động văn hóa, văn nghệ và các sự kiện văn hóa của địa phương

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng dự kiến ban hành	Ghi chú	
				Căn cứ pháp lý đề xuất	Mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản
24	Chân đèn tay quay	Cái	2	Theo nhu cầu thực tế	Dùng để phục vụ các hoạt động văn hóa, văn nghệ và các sự kiện văn hóa của địa phương
25	Khung 4D treo ánh sáng dài 2m	Khung	26	Theo nhu cầu thực tế	Dùng để phục vụ các hoạt động văn hóa, văn nghệ và các sự kiện văn hóa của địa phương
26	Khung 4D treo ánh sáng - Chân chòi tăng đỡ sắt cùm nhôm loại 1m50	Chân	24	Theo nhu cầu thực tế	Dùng để phục vụ các hoạt động văn hóa, văn nghệ và các sự kiện văn hóa của địa phương
27	Khung 4D treo ánh sáng - Bộ lồng trượt nhôm	Bộ	6	Theo nhu cầu thực tế	Dùng để phục vụ các hoạt động văn hóa, văn nghệ và các sự kiện văn hóa của địa phương
28	Khung 4D treo ánh sáng - Nắp móc palang nhôm	Cái	6	Theo nhu cầu thực tế	Dùng để phục vụ các hoạt động văn hóa, văn nghệ và các sự kiện văn hóa của địa phương
29	Khung 4D treo ánh sáng - Palang kéo tay 1 tấn	Cái	6	Theo nhu cầu thực tế	Dùng để phục vụ các hoạt động văn hóa, văn nghệ và các sự kiện văn hóa của địa phương
30	Dây tín hiệu 3 ruột	Mét	400	Theo nhu cầu thực tế	Dùng để phục vụ các hoạt động văn hóa, văn nghệ và các sự kiện văn hóa của địa phương
31	Jack cái kết nối với máy	Cái	50	Theo nhu cầu thực tế	Dùng để phục vụ các hoạt động văn hóa, văn nghệ và các sự kiện văn hóa của địa phương

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng dự kiến ban hành	Ghi chú	
				Căn cứ pháp lý đề xuất	Mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản
32	Jack đực kết nối với máy	Cái	50	Theo nhu cầu thực tế	Dùng để phục vụ các hoạt động văn hóa, văn nghệ và các sự kiện văn hóa của địa phương
33	Tủ đựng thiết bị 16 U	Cái	2	Theo nhu cầu thực tế	Dùng để phục vụ các hoạt động văn hóa, văn nghệ và các sự kiện văn hóa của địa phương



Phụ lục VIII-C

**BỔ SUNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG
CỦA UBND THÀNH PHỐ LONG KHÁNH VÀ CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC**

*Ban hành kèm theo Quyết định số 12/2024/QĐ-UBND ngày 20 tháng 02 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng dự kiến ban hành	Ghi chú	
				Căn cứ pháp lý đề xuất	Mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản
I	Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Long Khánh				
1	Máy in A3 đa chức năng Khô giấy: A3; A4; A5; A6; B4 (JIS); B5 (JIS); 8K; 16K; Oficio 216x340mm Bộ nhớ: 256 MB Độ phân giải: Lên đến 1200 x 1200 dpi	Cái	1	Theo nhu cầu thực tế	Bộ phận chuyên môn về đất đai, in ấn bản đồ A3 phục vụ công tác quản lý đất đai trên địa bàn thành phố
2	Máy Scan tốc độ cao Độ phân giải: 600dpi. Công suất quét: 6000 trang/ngày. Cổng kết nối: USB 2.0, USB 3.0. Hệ điều hành hỗ trợ: Microsoft® Windows® 10, 8.1, 8, 7: 32-bit/64-bit.	Cái	2	Theo nhu cầu thực tế	Bộ phận chuyên môn về đất đai và văn thư lưu trữ, dùng để scan hồ sơ lưu trữ ngành tài nguyên và môi trường
II	UBND phường Xuân An				
3	Xe máy Loại xe: xe mô-tô hai bánh *Dung tích xi-lanh: 109,1cm ³ - Loại động cơ: động cơ xăng, 04 kỳ, 01 xi-lanh, làm mát bằng không khí - Tỷ số nén: 9,3:1 - Công suất tối đa: 6,46kW/7.500 vòng/phút - Mô-men cực đại: 87N.m/6.000 vòng/phút - Hệ thống khởi động: điện/đạp chân	Chiếc	2	Công văn số 1260/UBND-PPLT ngày 23/4/2021 của UBND thành phố	Phục vụ công tác tuần tra, giữ gìn an ninh trật tự trên địa bàn các phường, xã.
III	UBND phường Xuân Hòa				
4	Xe máy Loại xe: xe mô-tô hai bánh *Dung tích xi-lanh: 109,1cm ³ - Loại động cơ: động cơ xăng, 04 kỳ, 01 xi-lanh, làm mát bằng không khí - Tỷ số nén: 9,3:1 - Công suất tối đa: 6,46kW/7.500 vòng/phút - Mô-men cực đại: 87N.m/6.000 vòng/phút - Hệ thống khởi động: điện/đạp chân	Chiếc	2	Công văn số 1260/UBND-PPLT ngày 23/4/2021 của UBND thành phố	Phục vụ công tác tuần tra, giữ gìn an ninh trật tự trên địa bàn các phường, xã.

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng dự kiến ban hành	Ghi chú	
				Căn cứ pháp lý đề xuất	Mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản
IV	UBND phường Xuân Thanh				
5	Xe máy Loại xe: xe mô-tô hai bánh *Dung tích xi-lanh: 109,1cm ³ - Loại động cơ: động cơ xăng, 04 kỳ, 01 xi-lanh, làm mát bằng không khí - Tỷ số nén: 9,3:1 - Công suất tối đa: 6,46kW/7.500 vòng/phút - Mô-men cực đại: 87N.m/6.000 vòng/phút - Hệ thống khởi động: điện/đạp chân	Chiếc	2	Công văn số 1260/UBND-PPLT ngày 23/4/2021 của UBND thành phố	Phục vụ công tác tuần tra, giữ gìn an ninh trật tự trên địa bàn các phường, xã.
V	UBND phường Xuân Lập				
6	Xe máy Loại xe: xe mô-tô hai bánh *Dung tích xi-lanh: 109,1cm ³ - Loại động cơ: động cơ xăng, 04 kỳ, 01 xi-lanh, làm mát bằng không khí - Tỷ số nén: 9,3:1 - Công suất tối đa: 6,46kW/7.500 vòng/phút - Mô-men cực đại: 87N.m/6.000 vòng/phút - Hệ thống khởi động: điện/đạp chân	Chiếc	2	Công văn số 1260/UBND-PPLT ngày 23/4/2021 của UBND thành phố	Phục vụ công tác tuần tra, giữ gìn an ninh trật tự trên địa bàn các phường, xã.
VI	UBND phường Xuân Tân				
7	Xe máy Loại xe: xe mô-tô hai bánh *Dung tích xi-lanh: 109,1cm ³ - Loại động cơ: động cơ xăng, 04 kỳ, 01 xi-lanh, làm mát bằng không khí - Tỷ số nén: 9,3:1 - Công suất tối đa: 6,46kW/7.500 vòng/phút - Mô-men cực đại: 87N.m/6.000 vòng/phút - Hệ thống khởi động: điện/đạp chân	Chiếc	2	Công văn số 1260/UBND-PPLT ngày 23/4/2021 của UBND thành phố	Phục vụ công tác tuần tra, giữ gìn an ninh trật tự trên địa bàn các phường, xã.
VII	UBND phường Phú Bình				
8	Xe máy Loại xe: xe mô-tô hai bánh *Dung tích xi-lanh: 109,1cm ³ - Loại động cơ: động cơ xăng, 04 kỳ, 01 xi-lanh, làm mát bằng không khí - Tỷ số nén: 9,3:1 - Công suất tối đa: 6,46kW/7.500 vòng/phút - Mô-men cực đại: 87N.m/6.000 vòng/phút - Hệ thống khởi động: điện/đạp chân	Chiếc	2	Công văn số 1260/UBND-PPLT ngày 23/4/2021 của UBND thành phố	Phục vụ công tác tuần tra, giữ gìn an ninh trật tự trên địa bàn các phường, xã.

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng dự kiến ban hành	Ghi chú	
				Căn cứ pháp lý đề xuất	Mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản
VIII	UBND phường Suối Tre				
9	Xe máy Loại xe: xe mô-tô hai bánh *Dung tích xi-lanh: 109,1cm ³ - Loại động cơ: động cơ xăng, 04 kỳ, 01 xi-lanh, làm mát bằng không khí - Tỷ số nén: 9,3:1 - Công suất tối đa: 6,46kW/7.500 vòng/phút - Mô-men cực đại: 87N.m/6.000 vòng/phút - Hệ thống khởi động: điện/đạp chân	Chiếc	2	Công văn số 1260/UBND-PPLT ngày 23/4/2021 của UBND thành phố	Phục vụ công tác tuần tra, giữ gìn an ninh trật tự trên địa bàn các phường, xã.
IX	UBND phường Xuân Bình				
10	Xe máy Loại xe: xe mô-tô hai bánh *Dung tích xi-lanh: 109,1cm ³ - Loại động cơ: động cơ xăng, 04 kỳ, 01 xi-lanh, làm mát bằng không khí - Tỷ số nén: 9,3:1 - Công suất tối đa: 6,46kW/7.500 vòng/phút - Mô-men cực đại: 87N.m/6.000 vòng/phút - Hệ thống khởi động: điện/đạp chân	Chiếc	2	Công văn số 1260/UBND-PPLT ngày 23/4/2021 của UBND thành phố	Phục vụ công tác tuần tra, giữ gìn an ninh trật tự trên địa bàn các phường, xã.
X	UBND phường Xuân Trung				
11	Xe máy Loại xe: xe mô-tô hai bánh *Dung tích xi-lanh: 109,1cm ³ - Loại động cơ: động cơ xăng, 04 kỳ, 01 xi-lanh, làm mát bằng không khí - Tỷ số nén: 9,3:1 - Công suất tối đa: 6,46kW/7.500 vòng/phút - Mô-men cực đại: 87N.m/6.000 vòng/phút - Hệ thống khởi động: điện/đạp chân	Chiếc	2	Công văn số 1260/UBND-PPLT ngày 23/4/2021 của UBND thành phố	Phục vụ công tác tuần tra, giữ gìn an ninh trật tự trên địa bàn các phường, xã.
XI	UBND phường Bảo Vinh				
12	Xe máy Loại xe: xe mô-tô hai bánh *Dung tích xi-lanh: 109,1cm ³ - Loại động cơ: động cơ xăng, 04 kỳ, 01 xi-lanh, làm mát bằng không khí - Tỷ số nén: 9,3:1 - Công suất tối đa: 6,46kW/7.500 vòng/phút - Mô-men cực đại: 87N.m/6.000 vòng/phút - Hệ thống khởi động: điện/đạp chân	Chiếc	2	Công văn số 1260/UBND-PPLT ngày 23/4/2021 của UBND thành phố	Phục vụ công tác tuần tra, giữ gìn an ninh trật tự trên địa bàn các phường, xã.

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng dự kiến ban hành	Ghi chú	
				Căn cứ pháp lý đề xuất	Mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản
XII	UBND phường Bàu Sen				
13	Xe máy Loại xe: xe mô-tô hai bánh *Dung tích xi-lanh: 109,1cm ³ - Loại động cơ: động cơ xăng, 04 kỳ, 01 xi-lanh, làm mát bằng không khí - Tỷ số nén: 9,3:1 - Công suất tối đa: 6,46kW/7.500 vòng/phút - Mô-men cực đại: 87N.m/6.000 vòng/phút - Hệ thống khởi động: điện/đạp chân	Chiếc	2	Công văn số 1260/UBND-PPLT ngày 23/4/2021 của UBND thành phố	Phục vụ công tác tuần tra, giữ gìn an ninh trật tự trên địa bàn các phường, xã.
XIII	UBND xã Bảo Quang				
14	Xe máy Loại xe: xe mô-tô hai bánh *Dung tích xi-lanh: 109,1cm ³ - Loại động cơ: động cơ xăng, 04 kỳ, 01 xi-lanh, làm mát bằng không khí - Tỷ số nén: 9,3:1 - Công suất tối đa: 6,46kW/7.500 vòng/phút - Mô-men cực đại: 87N.m/6.000 vòng/phút - Hệ thống khởi động: điện/đạp chân	Chiếc	2	Công văn số 1260/UBND-PPLT ngày 23/4/2021 của UBND thành phố	Phục vụ công tác tuần tra, giữ gìn an ninh trật tự trên địa bàn các phường, xã.
XIV	UBND xã Bình Lộc				
15	Xe máy Loại xe: xe mô-tô hai bánh *Dung tích xi-lanh: 109,1cm ³ - Loại động cơ: động cơ xăng, 04 kỳ, 01 xi-lanh, làm mát bằng không khí - Tỷ số nén: 9,3:1 - Công suất tối đa: 6,46kW/7.500 vòng/phút - Mô-men cực đại: 87N.m/6.000 vòng/phút - Hệ thống khởi động: điện/đạp chân	Chiếc	2	Công văn số 1260/UBND-PPLT ngày 23/4/2021 của UBND thành phố	Phục vụ công tác tuần tra, giữ gìn an ninh trật tự trên địa bàn các phường, xã.

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng dự kiến ban hành	Ghi chú	
				Căn cứ pháp lý đề xuất	Mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản
XV	UBND xã Hàng Gòn				
16	Xe máy Loại xe: xe mô-tô hai bánh *Dung tích xi-lanh: 109,1cm³ - Loại động cơ: động cơ xăng, 04 kỳ, 01 xi-lanh, làm mát bằng không khí - Tỷ số nén: 9,3:1 - Công suất tối đa: 6,46kW/7.500 vòng/phút - Mô-men cực đại: 87N.m/6.000 vòng/phút - Hệ thống khởi động: điện/đạp chân	Chiếc	2	Công văn số 1260/UBND-PPLT ngày 23/4/2021 của UBND thành phố	Phục vụ công tác tuần tra, giữ gìn an ninh trật tự trên địa bàn các phường, xã.
XVI	UBND xã Bàu Trâm				
17	Xe máy Loại xe: xe mô-tô hai bánh *Dung tích xi-lanh: 109,1cm³ - Loại động cơ: động cơ xăng, 04 kỳ, 01 xi-lanh, làm mát bằng không khí - Tỷ số nén: 9,3:1 - Công suất tối đa: 6,46kW/7.500 vòng/phút - Mô-men cực đại: 87N.m/6.000 vòng/phút - Hệ thống khởi động: điện/đạp chân	Chiếc	2	Công văn số 1260/UBND-PPLT ngày 23/4/2021 của UBND thành phố	Phục vụ công tác tuần tra, giữ gìn an ninh trật tự trên địa bàn các phường, xã.
XVII	Phòng Tài chính-Kế hoạch thành phố Long Khánh				
18	Máy Scan tốc độ cao Loại máy quét: Quét 2 mặt tự động, nạp giấy tự động (ADF 80 tờ) Khổ giấy scan tối đa: A4 Tốc độ: 50 trang /phút. Định dạng file scan: PDF (chỉ hình ảnh, có thể tìm kiếm, MRC, PDF/A, được mã hóa), TIFF (một trang, nhiều trang, nén: G3, G4, LZW, JPEG), DOC, RTF, WPD, XLS, TXT, XML, XPS, HTML, OPF, JPG, BMP, PNG. Độ phân giải : 600dpi. Công suất quét : 6000 trang/ngày. Cổng kết nối : USB 2.0, USB 3.0. Hệ điều hành hỗ trợ : Microsoft® Windows® 10, 8.1, 8, 7: 32-bit/64-bit.	Cái	1	Theo nhu cầu thực tế	Dùng scan hồ sơ và lưu trữ hồ sơ - bộ phận văn thư



Phụ lục IX-C
BỔ SUNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG
CỦA UBND HUYỆN XUÂN LỘC VÀ CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 12 /2024/QĐ-UBND ngày 20 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng dự kiến ban hành	Ghi chú	
				Căn cứ pháp lý đề xuất	Mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản
I	Văn phòng Huyện ủy				
1	Máy hủy giấy tại Bộ phận văn thư - Kiểu hủy: Hủy sợi - Công suất hủy: (70g) 45 tờ/lần - Kích thước hủy: 4*40mm/0.15"*57" - Dao cắt: cứng - Hoạt động liên tục 60 phút ngừng 40 phút để làm mát máy. - Khổ giấy hủy tối đa: A3 - Chức năng trả ngược khi kẹt giấy: Có - Tự động dừng lại khi bị mắc kẹt: Có - Kích thước hủy (mm): 4x50	Cái	1	Điều 23 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước	Phục vụ công tác bảo vệ bí mật Nhà nước
2	Tủ lưu trữ hồ sơ lý lịch đảng viên Đảng bộ huyện - Chất liệu gỗ; 30-45 ngăn; kích thước một ngăn 35cm x 25cm. - Chất lượng: Mới 100%.	Cái	4	Theo nhu cầu thực tế	Quản lý toàn bộ lý lịch đảng viên Đảng bộ huyện
II	Văn phòng HĐND và UBND huyện				

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng dự kiến ban hành	Ghi chú	
				Căn cứ pháp lý đề xuất	Mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản
3	Máy hủy giấy tại Bộ phận văn thư - Kiểu hủy: Hủy sợi - Công suất hủy: (70g) 45 tờ/lần - Kích thước hủy: 4*40mm/0,15"*57" - Dao cắt: cứng - Hoạt động liên tục 60 phút ngừng 40 phút để làm mát máy. - Khổ giấy hủy tối đa: A3 - Chức năng trả ngược khi kẹt giấy: Có - Tự động dừng lại khi bị mắc kẹt: Có - Kích thước hủy (mm): 4x50	Cái	1	Điều 23 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước	Phục vụ công tác bảo vệ bí mật Nhà nước
III	Phòng Tài chính - Kế hoạch				
4	Máy hủy giấy tại Bộ phận văn thư - Kiểu hủy: Hủy sợi - Công suất hủy: (70g) 45 tờ/lần - Kích thước hủy: 4*40mm/0,15"*57" - Dao cắt: cứng - Hoạt động liên tục 60 phút ngừng 40 phút để làm mát máy. - Khổ giấy hủy tối đa: A3 - Chức năng trả ngược khi kẹt giấy: Có - Tự động dừng lại khi bị mắc kẹt: Có - Kích thước hủy (mm): 4x50	Cái	1	Điều 23 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước	Phục vụ công tác bảo vệ bí mật Nhà nước



Phụ lục XI-C

**BỘ SƯNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG CỦA TRƯỜNG
CAO ĐẲNG Y TẾ ĐỒNG NAI**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 12/2024/QĐ-UBND ngày 20 tháng 02 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Stt	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	Dvt	Số lượng dự kiến ban hành	Ghi chú	
				Căn cứ pháp lý đề xuất	Mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản
1	Mô hình mô phỏng bệnh nhân - Kích thước người trưởng thành, với các khớp linh hoạt. - Cấu tạo đường thở với kích thước giống thực tế: lưỡi linh hoạt, nắp thanh quản, phổi mô phỏng, khí quản, thực quản - Cho phép nghiêng đầu xoay trái hoặc phải, nâng cằm để mở đường thở, các tình huống lâm sàng khác nhau - Hỗ trợ cuộc sống nâng cao hồi sức chuyên biệt, cấu trúc cơ xương và da thực tế - Đường thở thực tế, CPR cơ bản và nâng cao, đo huyết áp, điện tâm đồ và khử rung tim bằng thiết bị thực - Cuộc phỏng vấn có ghi video, nghe tim. - Các biến chứng khác nhau (Phù phổi và hàu họng tắc nghẽn, co thắt thanh quản, tắc nghẽn đường thở), tím tái, co giật - Mô phỏng hoạt động trên các thiết bị y tế thật.	Bộ	1	Theo nhu cầu thực tế	Các thiết bị cần thiết để giảng dạy, thực hành các môn chuyên ngành Điều dưỡng cho sinh viên cao đẳng chính quy và liên thông
2	Mô hình thực hành kỹ năng CPR hà hơi thổi ngạt kết nối máy tính chấm điểm - Mô hình bán thân người trưởng thành với hệ thống điện tử để thực hành hà hơi thổi ngạt, hồi sinh tim phổi. - Phần mềm theo dõi với các thanh màu hiển thị liên tục hiệu quả của quá trình thực tập để hiểu giúp điều chỉnh thực hiện các kỹ năng - Mô hình có độ chính xác của phép đo, phản hồi và báo cáo về nhiều thông số quan trọng đối với bệnh nhân. - Hệ thống duy nhất đưa ra phản hồi hoàn chỉnh chính xác - Hệ thống cung cấp độ sâu thực và đơn giản để điều chỉnh lực cần của ngực, thực hành thực tế hơn, được phát hiện khi ngực di chuyển ra khỏi vị trí chính xác - Hà hơi thổi ngạt cung cấp hiển thị chính xác dung tích và hiển thị thời gian thực chính xác cho tỷ lệ khi cung cấp không khí.	Bộ	1	Theo nhu cầu thực tế	Các thiết bị cần thiết để giảng dạy, thực hành các môn chuyên ngành Điều dưỡng cho sinh viên cao đẳng chính quy và liên thông

Stt	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	Đvt	Số lượng dự kiến ban hành	Ghi chú	
				Căn cứ pháp lý đề xuất	Mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản
3	Giường bệnh nhân đa năng - Các thanh vịn bên bốn mảnh có thể trải xuống dưới đầu giường. - Màn hình hiển thị góc tích hợp cho tựa lưng - Bảng đầu /chân đúc một mảnh và bảng ABS có thể giặt được và có thể tháo rời. - Tầm cân góc đa chức năng với bánh xe chống va chạm và ổ cắm cực IV, và chức năng bật /tắt cho bo mạch đầu /chân. - Khung dập tích hợp và tấm giường là thép được làm bằng sơn tĩnh điện, chống gỉ sét và trầy xước. - Bảng điều khiển người phục vụ (ACP) - Hệ thống khóa trung tâm - Bốn thiết bị truyền động với điều khiển thiết lập lại. - Hệ thống truyền động 24V DC - Điện áp: 110V/60Hz hoặc 220V/50Hz - Bảng đầu / chân có thể tháo rời	Cái	1	Theo nhu cầu thực tế	Các thiết bị cần thiết để giảng dạy, thực hành các môn chuyên ngành Điều dưỡng cho sinh viên cao đẳng chính quy và liên thông
4	Máy hút đờm rãi - Hệ thống truyền động 24V DC - Điện áp: 110V/60Hz hoặc 220V/50Hz - Hệ thống động cơ cấp y tế chất lượng cao với tiếng ồn thấp, đáp ứng các yêu cầu của IEC / EN 60601-1 , IEC / EN 60601-1-2.	Cái	2	Theo nhu cầu thực tế	Các thiết bị cần thiết để giảng dạy, thực hành các môn chuyên ngành Điều dưỡng cho sinh viên cao đẳng chính quy và liên thông
5	Bơm tiêm điện - Công suất tiêu thụ: 18VA - Loại pin: Pin sạc Ni-MH	Cái	2	Theo nhu cầu thực tế	Các thiết bị cần thiết để giảng dạy, thực hành các môn chuyên ngành Điều dưỡng cho sinh viên cao đẳng chính quy và liên thông

Stt	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	Đvt	Số lượng dự kiến ban hành	Ghi chú	
				Căn cứ pháp lý đề xuất	Mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản
6	Bơm truyền dịch - Phạm vi tốc độ truyền : 0.1~1000ml/h (Kiểu bơm nhu động) - Thể tích dịch đặt trước định truyền: 1~9999ml - Thể tích dịch đã truyền: 1~9999ml - Chức năng đặc biệt: Khóa bàn phím, nhớ dữ liệu, thời gian còn lại, lập lại báo động, hệ thống mở, K.V.O, thanh trùng, truyền nhanh, mức độ nghẽn, xem lại dữ liệu cho quá trình đã thực hiện, chế độ liều dùng(lựa chọn) - Công suất tiêu thụ: 40AV - Loại pin: Pin sạc Ni-Cd	Cái	2	Theo nhu cầu thực tế	Các thiết bị cần thiết để giảng dạy, thực hành các môn chuyên ngành Điều dưỡng cho sinh viên cao đẳng chính quy và liên thông
7	Ti vi 85 inch - Khối lượng không chân: 41.9 Kg + Tần số quét thực: 120 Hz + Công nghệ âm thanh: - Khuếch đại âm thoại chủ động AVA - Q-Symphony kết hợp loa tivi với loa thanh - Âm thanh chuyển động theo hình ảnh OTS Pro - Âm thanh phù hợp không gian SpaceFit Sound + Tổng công suất loa: 80 W + Hệ điều hành: Tizen OS 6.0	Cái	1	Theo nhu cầu thực tế	Các thiết bị cần thiết để giảng dạy, thực hành các môn chuyên ngành Điều dưỡng cho sinh viên cao đẳng chính quy và liên thông
8	Máy xét nghiệm sinh hóa tự động - Kiểu máy: hoàn toàn tự động, truy cập ngẫu nhiên - Công suất xét nghiệm: 270 xét nghiệm sinh hóa/giờ - Kiểu đo: Điểm cuối, Điểm cuối 2 điểm, Động học, Động học 2 điểm - Phương pháp phát hiện: Đo trực tiếp độ hấp thụ trong công phản ứng một màu hoặc hai màu - Phương pháp đo: + Xét nghiệm sinh hoá sử dụng phương pháp đo quang + Miễn dịch độ đục bằng phương pháp đo quang (Hóa chất Latex) - Số lượng xét nghiệm đồng thời đo được: 50 xét nghiệm - Số phương pháp phân tích có sẵn: 240 phương pháp (mẫu huyết thanh: 60, mẫu huyết tương: 60, mẫu nước tiểu: 60, mẫu khác: 60) - Lưu trữ kết quả đo: 1.000.000 kết quả - Lưu trữ kết quả QC: 50.000 kết quả.	Cái	1	Theo nhu cầu thực tế	Theo nhu cầu thực tế phục vụ giảng dạy cho Bộ môn Xét nghiệm

Stt	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	Đvt	Số lượng dự kiến ban hành	Ghi chú	
				Căn cứ pháp lý đề xuất	Mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản
9	Máy xét nghiệm HbA1c HbA1c (HbA1c ổn định), HbF (HbS, HbC phát hiện trong chế độ variant mode - Phương pháp phát hiện: So màu bước sóng đôi 420nm/500 nm - Độ phân giải: 0.1% hoặc 1mmol/mol - Dải đo: HbA1c: 3 – 20%; 9 – 195mmol/mol - Công suất: + Variant mode: 160s/ mẫu + Fast mode: 100s/ mẫu - Thẻ tích hút mẫu: Xấp xỉ 4 μL (máu toàn phần) - HbF: 0 – 100% - Ống thu mẫu máu (đường kính 12.3 hoặc 15mm) x (cao 75 – 100mm) - Phương thức lấy mẫu: Xuyên nắp (cap-piercing) - Màn hình: 20 chữ số x màn hình 2 dòng - Máy in nhiệt, Giấy in nhiệt kích cỡ 58mm - Nguồn cung cấp: 100-240V $\pm$10%, 50/60Hz	Cái	1	Theo nhu cầu thực tế	Phục vụ giảng dạy cho Bộ môn Xét nghiệm
10	Máy xét nghiệm huyết học tự động - Phương pháp đo + WBC, RBC, PLT: Đo trở kháng điện + HGB: Đo bằng phương pháp so màu + HCT: Tính toán từ biểu đồ + Phân tích các thành phần WBC: Đo Laser + PCT: Tính toán từ biểu đồ + RDW: Tính toán từ biểu đồ + PDW: Tính toán từ biểu đồ + P-LCR: Tính toán từ biểu đồ - Thông số đo: gồm 33 thông số. - Thẻ tích mẫu + Chế độ (CBC + DIFF): 40μL + Chế độ CBC: 25μL + Chế độ pha loãng trước: 20μL - Công suất: 90 mẫu /giờ - Màn hình - LCD 10.4 inch, màn hình cảm ứng - Chương trình QC + Có chương trình quản lý chất lượng QC: X-R, L&J (Levey Jennings) + Có khả năng lưu 300 dữ liệu đo trên 1 lot QC.	Cái	1	Theo nhu cầu thực tế	Phục vụ giảng dạy cho Bộ môn Xét nghiệm

Stt	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	Đvt	Số lượng dự kiến ban hành	Ghi chú	
				Căn cứ pháp lý đề xuất	Mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản
11	Máy xét nghiệm nước tiểu - Kỹ thuật đo: sử dụng quang kế phản xạ với 4 bước sóng: 505, 530, 620, 660nm; nguồn sáng bằng đèn LED. - Kiểu đo: Máy tự động thực hiện kiểm tra hệ thống sau mỗi lần bật máy lên và tự động đo sau khi đặt que thử vào khay giữ que thử. - Có màn hình màu cảm ứng LCD 5.7" VGA - Thông số: Đo được 11 thông số nước tiểu bao gồm: Glucose, pH, Protein, máu, Ketones, Nitrite, Bilirubin, Urobilinogen, tỷ trọng, bạch cầu, acid Ascorbic. - Công suất đo: Lên đến 500 xét nghiệm/giờ - Máy in: Có máy in nhiệt tích hợp sẵn để in kết quả đo, tự động in kết quả sau khi đo xong - Lưu trữ dữ liệu: Cơ sở dữ liệu bệnh nhân: 5000 xét nghiệm/cơ sở dữ liệu QC: 5000 xét nghiệm - Nạp thông tin bệnh nhân (ID, tên): có thể nạp thông tin qua màn hình trên máy chính hoặc qua đầu đọc mã vạch lắp ngoài hoặc bàn phím lắp ngoài.	Cái	2	Theo nhu cầu thực tế	Theo nhu cầu thực tế phục vụ giảng dạy cho Bộ môn Xét nghiệm
12	Máy chiếu - Cường độ chiếu sáng 4100 Ansi Lumens - Độ phân giải 1024×768 (XGA) Độ tương phản 16.000:1 - Bóng đèn 230W UHM Tuổi thọ bóng đèn tối đa 20.000 giờ - Điều chỉnh góc nghiêng và chỉnh vuông hình - Kích thước phóng to màn hình 30-300" - Công suất 300W	Cái	20	Theo nhu cầu thực tế	Phục vụ công tác dạy nghề

Phụ lục XIII-C

**BỘ SƯNG MẠY MỐC THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN
NÔNG THÔN VÀ CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 12 /2024/QĐ-UBND ngày 20 tháng 02 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)



STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng dự kiến ban hành	Ghi chú	
				Căn cứ pháp lý đề xuất	Mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản
I	Chi cục Chăn nuôi và thú y				
1	Máy Siêu âm đen trắng xách tay phủ màu Thông số kỹ thuật: - Độ sâu thăm khám: 29,6mm – 370mm - Đầu dò - Chế độ M - Chế độ B - Phạm vi ứng dụng: Siêu âm ổ bụng, sản khoa, tiết niệu, mạch. Cấu hình tiêu chuẩn: - Thân máy chính - Màn hình màu 12,1" - Dây nguồn - Đầu dò đa tần số chuyên dụng cho thú y. - Gel siêu âm - Phần mềm tính toán và thước đo trọn gói.	Cái	1	Theo nhu cầu thực tế	Phục vụ công tác chẩn đoán và điều trị bệnh động vật
2	Kính hiển vi sinh học Thông số kỹ thuật: - Có xử lý chống mốc trên các bộ phận quang học để chống sự nảy mầm và phát triển mốc. - Có thể điều chỉnh khoảng cách giữa hai đồng tử 55 -75 mm. - Ổ gắn vật kính dạng mâm xoay 3600, có 4 vị trí lắp vật kính. - Bàn sa trượt phủ ceramic chống mài mòn, có cơ cấu giữ mẫu và dịch chuyển mẫu theo hai chiều X-Y với núm chỉnh loại đồng trục bố trí bên phải. - Kính dùng trường sáng với bộ tụ quang ABBE N.A 1.25, có điều chỉnh màng chắn sáng. - Nguồn sáng: Dùng đèn Halogen 6V/20W, điều chỉnh cường độ ánh sáng và vòng chỉnh màng chắn sáng Nguồn điện: 220V/50Hz	Cái	1	Theo nhu cầu thực tế	Phục vụ công tác chẩn đoán và điều trị bệnh động vật

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng dự kiến ban hành	Ghi chú	
				Căn cứ pháp lý đề xuất	Mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản
3	Máy xét nghiệm sinh lý Thông Số Kỹ Thuật: - Công suất: 25 mẫu/h - Thể tích mẫu: 13ul (máu toàn phần) - 3 thành phần bạch cầu cho chó, mèo, ngựa, chuột, khi, bò và khi - 18 thông số và 3 biểu đồ - 13 loại động vật có sẵn và 3 loại động vật lập trình theo yêu cầu - Lưu trữ 20.000 kết quả với biểu đồ - Màn hình màu lớn	Cái	1	Theo nhu cầu thực tế	Phục vụ công tác chẩn đoán và điều trị bệnh động vật
4	Máy xét nghiệm sinh hóa tự động Thông số kỹ thuật: Tốc độ 200 test/giờ. Hệ thống quang học với 8 bước sóng. Thể tích phản ứng tối thiểu 100 µl. 80 vị trí đặt mẫu và 40 vị trí đặt hóa chất. Ngăn mát 2~12oC bảo quản mẫu và hóa chất. Thể tích mẫu: 2~45 µl; Thể tích hóa chất: 10~250 µl. Phát hiện mức độ chất lỏng và bảo vệ va đập cho đầu dò, làm ấm hóa chất. Lượng nước tiêu thụ: < 2 lít/giờ.	Cái	1	Theo nhu cầu thực tế	Phục vụ công tác chẩn đoán và điều trị bệnh động vật
5	Máy X-quang kỹ thuật số Thông số kỹ thuật: - Tủ phát: 32 kW dòng điện 1 pha 230VAC – 50/60Hz. - Bóng phát tia X, 140 kHU, 2 tiêu điểm 1,0 – 2,0 mm (DRGEM DXT-8M). - Bàn và cột đỡ bóng gắn liền.	Cái	1	Theo nhu cầu thực tế	Phục vụ công tác chẩn đoán và điều trị bệnh động vật

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng dự kiến ban hành	Ghi chú	
				Căn cứ pháp lý đề xuất	Mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản
6	Máy đọc + Bộ máy tính đọc dữ liệu: Máy đọc: - Giới hạn tuyến tính 0.0-4.0 đơn vị đo độ hấp thụ (A) - Độ chính xác quang $\pm 1 \%$ - Nguồn sáng Đèn halogen - Kiểu bộ lọc IAD - Khay Tầm chuẩn 96 giếng, hoặc thanh Điện tử - Màn hình Màn hình cảm ứng 5.7" - Máy in nhiệt Bộ máy tính để bàn: - Đồ họa: - Bộ nhớ : 8GB DDR4 U-DIMM - Dung lượng: 512GB - Mở rộng ổ cứng: 3.5" x 2 - Loa: nguồn 500W - Kết nối không dây.	Bộ	1	Theo nhu cầu thực tế	Phục vụ công tác chẩn đoán và điều trị bệnh động vật
7	Tủ âm 37 độ C Công suất (L): 150 Phạm vi nhiệt độ: Nhiệt độ phòng +5 - 80 °C Hệ thống đối lưu: Áo khoác không khí đối lưu tự nhiên Phạm vi điều chỉnh nhiệt độ: Nhiệt độ phòng +5 - 80 °C Độ rộng phân bố nhiệt độ: 2 °C (ở 37 °C) Hệ thống điều khiển nhiệt độ: điều khiển PID, đầu ra SSR Thiết bị an toàn: Thiết bị ngăn ngừa tăng nhiệt độ quá mức độc lập (có cài đặt kỹ thuật số nhiệt độ hoạt động), cầu dao quá dòng, cơ chế đốt cháy Công suất máy sưởi: 300W Cảm biến nhiệt độ: Nhiệt kế điện trở bạch kim Pt 100Ω Cảm biến ngăn chặn sự gia tăng quá mức: Cặp nhiệt điện K Dung tích buồng: 150L Nguồn điện: 100VAC 50/60Hz	Cái	1	Theo nhu cầu thực tế	Phục vụ công tác chẩn đoán và điều trị bệnh động vật

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	DVT	Số lượng dự kiến ban hành	Ghi chú	
				Căn cứ pháp lý đề xuất	Mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản
8	Tủ lạnh Tủ mát 1200 lít Dung tích sử dụng 1200 lít /1100 lít Hệ thống sưởi kính Low-e + hơi nóng từ lock máy Loại tủ Tủ mát 2 cánh kính chịu lực Chất liệu dàn lạnh Ống đồng Công suất 525W Số cửa 2 cửa Số ngăn 1 ngăn mát	Cái	1	Theo nhu cầu thực tế	Phục vụ công tác chẩn đoán và điều trị bệnh động vật
9	Máy đo PH Thông số kỹ thuật: Mục được đo: pH, mV, mV tương đối, nhiệt độ Phạm vi đo pH: -2.000 /+ 20.000pH Độ phân giải pH: 0,001, 0,01pH Độ chính xác pH: +/- 0,002pH mV, phạm vi đo mV tương đối: -2000.0 đến + 2000.0mV mV, độ phân giải mV tương đối: 0,1, 1mV mV, độ chính xác mV tương đối: +/- 0,2mV Phạm vi đo nhiệt độ: Bằng tay -30,0 đến + 130,0 °C, Tự động -5,0 °C đến + 130,0 °C Độ phân giải nhiệt độ: 0,1 °C Độ chính xác nhiệt độ: +/- 0,1 °C Bộ nhớ: 1000 dữ liệu Nguồn cung cấp: Bộ đổi nguồn AC	Cái	1	Theo nhu cầu thực tế	Phục vụ công tác chẩn đoán và điều trị bệnh động vật
II	Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng				
10	Flycam - Hiệu suất bay: Trần Bay 6000 m/ Thời Gian Bay Tối Đa: 46 phút - Hệ thống cảm biến: Góc nhìn cảm biến trước: FOV: Ngang 90 °, Dọc 103 °/Cảm biến hình ảnh: đa hướng/Góc nhìn cảm biến sau: FOV: Ngang 90 °, Dọc 103 ° - Camera: Độ Phân Giải 20MP/Cảm Biến CMOS 4/3 "/Tiêu Cự 24mm/Góc Nhìn 84 °Khẩu độ f/11.	Bộ	1	Theo nhu cầu thực tế	Xác định diện tích rừng cung ứng dịch vụ môi trường trên toàn tỉnh
11	Máy vi tính xách tay - CPU: i7-12700H - RAM: 16GB (2x8GB) DDR4 3200MHz - SSD: 01TB M.2 PCIe Gen4 x4 - Màn hình: 15.6" - Card màn hình: Card rời	Cái	1	Theo nhu cầu thực tế	Quản lý, xử lý số liệu, biên tập bản đồ chỉ tra dịch vụ môi trường trên toàn tỉnh

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng dự kiến ban hành	Ghi chú	
				Căn cứ pháp lý đề xuất	Mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản
III	Chi cục Kiểm lâm				
12	Sàn giao dịch đồ gỗ điện tử tỉnh Đồng Nai Kỹ thuật phần mềm Phần mềm được xây dựng dựa trên mô hình MVC, ngôn ngữ C#, ASP.NET cho phép người sử dụng truy cập hệ thống thông qua các trình duyệt web. Hệ thống cần có khả năng dễ dàng triển khai cấu hình và bảo trì. Giải pháp đề xuất sử dụng kiến trúc đa tầng cho phép tách biệt giao diện người sử dụng với nghiệp vụ và dữ liệu: Tầng hiển thị: Lớp hiển thị có thể bao gồm nhiều chương trình khác nhau như trình duyệt web, windows application, công cụ báo cáo, vv... Tầng giữa: có thể được triển khai thành nhiều lớp. Máy chủ ứng dụng cũng có thể phân tán trên nhiều máy. Bởi vì các nghiệp vụ được triển khai tập trung ở tầng này, do đó dễ dàng nâng cấp hay sửa đổi mà không làm ảnh hưởng đến các thành phần khác.	Cái	1	Quyết định số 2229/QĐ-UBND ngày 26/8/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt đề cương và Dự toán chi tiết “Xây dựng sàn giao dịch đồ gỗ điện tử tỉnh Đồng Nai”	Phát triển sản xuất, chế biến lâm sản bền vững trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.
13	Hệ thống thông tin quản lý ngành gỗ tỉnh Đồng Nai Kỹ thuật phần mềm Phần mềm được xây dựng dựa trên mô hình MVC, ngôn ngữ C#, ASP.NET cho phép người sử dụng truy cập hệ thống thông qua các trình duyệt web. Hệ thống cần có khả năng dễ dàng triển khai cấu hình và bảo trì. Tầng hiển thị: Lớp hiển thị có thể bao gồm nhiều chương trình khác nhau như trình duyệt web, windows application, công cụ báo cáo, ... Tầng giữa: (hay máy chủ ứng dụng) có thể được triển khai thành nhiều lớp. Máy chủ ứng dụng cũng có thể phân tán trên nhiều máy. Tầng dữ liệu: có các môi trường lưu trữ thông tin lâu dài như CSDL quan hệ, hệ thống file, ... Hệ CSDL có thể tập trung hay phân tán theo nhu cầu.	Cái	1	Quyết định số 2918/QĐ-UBND ngày 26/10/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đề cương và dự toán chi tiết “Xây dựng hệ thống thông tin quản lý ngành gỗ tỉnh Đồng Nai”	Phát triển sản xuất, chế biến lâm sản bền vững trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	DVT	Số lượng dự kiến ban hành	Ghi chú	
				Căn cứ pháp lý đề xuất	Mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản
14	Máy theo dõi điện áp, dòng điện trên hàng rào, thiết bị kiểm soát hàng rào Đèn chỉ báo xung điện và điện áp Chất liệu nhựa chống tia UV, chống nước, siêu bền	Bộ	5	Văn bản số 16122/UBND-KTN ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh về việc chủ trương thực hiện công tác duy trì, bảo dưỡng và vệ sinh tuyến hàng rào điện thuộc dự án Khẩn cấp bảo tồn Voi Đồng Nai	Bảo trì tuyến hàng rào điện
15	Thiết bị điều khiển, nhận tin báo xung điện bằng mạng wifi thay thế cho báo lỗi bằng tin nhắn Thiết bị bằng nhựa đen màu cam có cấu tạo hình vuông, có đèn hiển thị nguồn và hiển thị thông tin	Bộ	5	Văn bản số 16122/UBND-KTN ngày 31 tháng 12 năm 2020 của UBND tỉnh về việc chủ trương thực hiện công tác duy trì, bảo dưỡng và vệ sinh tuyến hàng rào điện thuộc dự án Khẩn cấp bảo tồn Voi Đồng Nai	Bảo trì tuyến hàng rào điện

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	DVT	Số lượng dự kiến ban hành	Ghi chú	
				Căn cứ pháp lý đề xuất	Mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản
16	Bộ thiết bị hệ thống báo động lỗi trên hàng rào điện (loa, đèn,...) Cảnh báo hàng rào gặp lỗi, thông qua đầu ra bằng đèn và còi	Bộ	5	Văn bản số 16122/UBND-KTN ngày 31 tháng 12 năm 2020 của UBND tỉnh về việc chủ trương thực hiện công tác duy trì, bảo dưỡng và vệ sinh tuyến hàng rào điện thuộc dự án Khẩn cấp bảo tồn Voi Đồng Nai.	Bảo trì tuyến hàng rào điện
17	Thiết bị phát xung Gallagher Sử dụng nguồn 220V Công suất 10J ~ 10Watt Chất liệu nhựa chống tia UV, chống nước nhẹ	Bộ	5	Văn bản số 16122/UBND-KTN ngày 31 tháng 12 năm 2020 của UBND tỉnh về việc chủ trương thực hiện công tác duy trì, bảo dưỡng và vệ sinh tuyến hàng rào điện thuộc dự án Khẩn cấp bảo tồn Voi Đồng Nai.	Bảo trì tuyến hàng rào điện

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng dự kiến ban hành	Ghi chú	
				Căn cứ pháp lý đề xuất	Mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản
18	Tấm thu năng lượng mặt trời 120W Sử dụng nguồn ánh sáng mặt trời để tạo ra điện Công suất 130Watt chất liệu nhựa chống tia UV, chống nước siêu bền	Cái	30	Văn bản số 16122/UBND-KTN ngày 31 tháng 12 năm 2020 của UBND tỉnh về việc chủ trương thực hiện công tác duy trì, bảo dưỡng và vệ sinh tuyến hàng rào điện thuộc dự án Khẩn cấp bảo tồn Voi Đồng Nai.	Bảo trì tuyến hàng rào điện
IV	Ban Quản lý rừng phòng hộ Long Thành				
19	Thiết bị định vị vệ tinh 2 tần số đa kênh - Số kênh: 576 kênh thu đa vệ tinh - Kết nối: Bluetooth, 3G, 4G, Wifi... - GPS: L1CA, L2P, L2C, L5 - GLONASS: L1C/A, L2C/A - BDS: B1, B2, B3 - Galileo: E1BC, E5a, E5b - SBAS: L1A, L5 - L-Band: ATLAS H10/H30/H50 - QZSS: L1C/A, L1C, L2C, L5, LEX Theo dõi đa vệ tinh.	Cái	2	Theo nhu cầu thực tế	Phục vụ công tác quản lý đất đai, đo đạc đất đai ranh giới yêu cầu độ chính xác cao
20	Máy ảnh kỹ thuật số * Thông số kỹ thuật: - Bộ cảm biến tích hợp chip DRAM - Bộ xử lý hình ảnh - Ống kính - Zoom tương đương 24-200mm (35mm) - Thiết kế quang học: 15 thấu kính trong 12 nhóm - Video HDR 4K - Màn hình cảm ứng LCD 3inch 921.600 điểm lật 180° - Khung ngắm điện tử EVF 2.359.296 điểm	Cái	2	Theo nhu cầu thực tế	Phục vụ công tác kiểm tra, xác định vi phạm và xử lý vi phạm về quản lý bảo vệ rừng

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng dự kiến ban hành	Ghi chú	
				Căn cứ pháp lý đề xuất	Mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản
21	Vỏ lãi 8,1m ST Nhựa composite	Cái	5	Số lượng đã trang bị theo định mức tại Quyết định số 08/2019/QĐ-UBND ngày 20/02/2019 của UBND tỉnh Số lượng dự kiến trang bị theo nhu cầu thực tế	Phục vụ công tác tuần tra, kiểm tra BVR ngập mặn
22	Vỏ lãi 7,7m Nhựa composite	Cái	5	Số lượng đã trang bị theo định mức tại Quyết định số 08/2019/QĐ-UBND ngày 20/02/2019 của UBND tỉnh Số lượng dự kiến trang bị theo nhu cầu thực tế	Phục vụ công tác tuần tra, kiểm tra BVR ngập mặn
23	Động cơ máy ghe vỏ lãi 8,1m - Máy: đuôi tôm, Nhiên liệu xăng, Công suất 9HP. - Cốt thẳng; Dàn lắp inox 201 - Ống inox 201 và chân vịt thau	Cái	5	Số lượng đã trang bị theo định mức tại Quyết định số 08/2019/QĐ-UBND ngày 20/02/2019 của UBND tỉnh Số lượng dự kiến trang bị theo nhu cầu thực tế	Phục vụ công tác tuần tra, kiểm tra BVR ngập mặn

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng dự kiến ban hành	Ghi chú	
				Căn cứ pháp lý đề xuất	Mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản
24	Động cơ máy ghe vỏ lãi 7,7m - Máy: đuôi tôm, Nhiên liệu xăng, Công suất 6,5HP. - Cốt thẳng; Dàn lắp inox 201. - Ống inox 201 và chân vịt thau	Cái	5	Số lượng đã trang bị theo định mức tại Quyết định số 08/2019/QĐ-UBND ngày 20/02/2019 của UBND tỉnh Số lượng dự kiến trang bị theo nhu cầu thực tế	Phục vụ công tác tuần tra, kiểm tra BVR ngập mặn
25	Máy tính bảng - CPU Intel® Core™ i5 - Card đồ họa Intel® Iris® Xe Graphics - Bộ nhớ trong 128 GB SSD - RAM 8 GB - Kích thước màn hình 13" - Độ phân giải 2880 x 1920 (267 PPI)	Cái	4	Theo nhu cầu thực tế	Dùng theo dõi phần mềm cập nhật diễn biến rừng do Bộ Nông nghiệp ban hành, khoanh vẽ các lô rừng có biến động khi thực hiện theo dõi diễn biến rừng
26	Máy vi tính có cấu hình mạnh Main z690 pro rs Cpu i7 13700k, ram 16gb x2 ddr4 Ổ cứng nvme 500gb nv2 kingston, tản nước cooler master ml240 vga rtx 3060 12gb, nguồn cooler master 750ww	Cái	8	Theo nhu cầu thực tế	Dùng theo dõi phần mềm cập nhật diễn biến rừng do Bộ Nông nghiệp ban hành, khoanh vẽ các lô rừng có biến động khi thực hiện theo dõi diễn biến rừng
V	Ban Quản lý rừng phòng hộ Tân Phú				
27	Máy vi tính có cấu hình mạnh Main z690 pro rs Cpu i7 13700k, ram 16gb x2 ddr4 Ổ cứng nvme 500gb nv2 kingston, tản nước cooler master ml240 vga rtx 3060 12gb, nguồn cooler master 750ww	Cái	8	Theo nhu cầu thực tế	Biên tập bản đồ số và theo dõi diễn biến rừng và đất lâm nghiệp
28	IPAD 10.2 Inch Wifi 128GB	Cái	9	Theo nhu cầu thực tế	Theo dõi diễn biến rừng và đất lâm nghiệp Phục vụ cho công tác kỹ thuật tại đơn vị.

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng dự kiến ban hành	Ghi chú	
				Căn cứ pháp lý đề xuất	Mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản
29	Trụ Anten thu, phát sóng điện thoại Mô hình: DJ-B-17-1721; function: Panel Antenna; RF power 500 Watt	Số Bộ	2	Theo nhu cầu thực tế	Kết nối liên lạc trong công tác bảo vệ rừng và phòng chống cháy rừng khu vực các Phân trường chưa phủ sóng điện thoại.
30	Thiết bị định vị vệ tinh 2 tần số đa kênh Số liệu kỹ thuật: Số kênh: 576 kênh thu đa vệ tinh Kết nối: Bluetooth 3G, 4G, Wifi...	Cái	2	Theo nhu cầu thực tế	Phục vụ công tác quản lý đất đai, đo đạc đất đai ranh giới yêu cầu độ chính xác cao
31	Máy đuôi tôm chạy xuồng loại 4 kỳ; Công suất 9.5HP/ 2.200, đuôi tôm gắn cánh quạt chạy máy	Cái	4	Số lượng đã trang bị theo định mức tại Quyết định số 34/QĐ-UBND ngày 16/8/2022 của UBND tỉnh Số lượng dự kiến trang bị theo nhu cầu thực tế	Tuần tra rừng bằng đường thủy

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	DVT	Số lượng dự kiến ban hành	Ghi chú	
				Căn cứ pháp lý đề xuất	Mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản
VI	Chi cục Thủy sản				
32	Máy đo Oxy hòa tan cầm tay dạng quang Thông số kỹ thuật: Thang đo oxy hòa tan: 0.00 to 50.00 mg/L / 0.0 to 500.0% độ bão hòa Độ phân giải: 0.01 mg/L / 0.1% độ bão hòa Độ chính xác: 1.5% giá trị ± 0.01mg/L cho Bù nhiệt độ: Tự động từ -5.0 to 50.0 °C (23.0 to 122.0 °F) Bù độ cao: Tự động từ 420 to 850 mmHg Độ phân giải nhiệt độ: 0.1°C (0.1°F) Độ chính xác nhiệt độ: ± 0.3 °C (± 0.4 °F) Đầu dò DO: HI764113; Màn hình: LCD Pin: 4 pin 1.5V/ khoảng 200 giờ sử dụng liên tục không đèn nền (50 giờ có đèn nền) - Đầu dò DO quang HI764113 với cảm biến nhiệt độ tích hợp với nắp bảo vệ và cáp 4 m - Smart Cap™ HI764113-1 với vòng chữ O - Dung dịch chuẩn oxy zero HI7040 - Cốc nhựa 100mL (2 cái) - 1 xilanh có mỡ silicon	Cái	1	Theo nhu cầu thực tế	Công tác lấy mẫu quan trắc, cảnh báo môi trường nuôi trồng Thủy sản để cảnh báo diễn biến tại các vùng nuôi, giúp hạn chế những tổn thất trong quá trình nuôi.
33	Thiết bị lấy mẫu nước: - Thiết bị lấy mẫu nước được tích hợp nhiệt độ kế theo nhu cầu. - Phù hợp cho lấy mẫu nước ở hồ, sông, suối.... đo hiện trường - Dụng cụ lấy mẫu nước tích hợp đầu nặng - Dung tích 1 lít kèm đầu nặng - Dây Polyester dài 20m	Cái	1	Theo nhu cầu thực tế	Công tác lấy mẫu quan trắc, cảnh báo môi trường nuôi trồng Thủy sản để cảnh báo diễn biến tại các vùng nuôi, giúp hạn chế những tổn thất trong quá trình nuôi.
VII	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp tỉnh				
34	Máy vi tính xách tay phục vụ cho tuyên truyền lưu động với các ban ngành, lập biên bản vi phạm ban đầu: CPU: Intel® Core™ i3-10110U (2.10 GHz upto 4.10 GHz, 4MB); RAM: 8GB DDR4 SO-DIMM + 1slot; Ổ cứng: 256GB SSD +1 slot HDD; VGA: Intel UHD Graphics.	Cái	1	Theo nhu cầu thực tế	Phục vụ công tác PCCCR và QLBR

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng dự kiến ban hành	Ghi chú	
				Căn cứ pháp lý đề xuất	Mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản
35	Loa di động tuyên truyền QLBNR và PCCCR: Công suất 900W; Thời gian sạc 4 - 6 giờ; Thời gian dùng pin 6-8 giờ; USB/ SD Card, GT.IN(cổng cắm nhạc cụ), MIC (cổng cắm microphone 6.5mm).	Cái	1	Theo nhu cầu thực tế	Phục vụ công tác PCCCR và QLBNR
36	Hệ thống kiểm tra, giám sát tại các trạm cấp nước tập trung	HT	1		
36.1	Camera quan sát: • Độ phân giải 1/2.7" 4 Megapixel 25fps • Độ nhạy sáng tối thiểu 0. 01Lux/F2.1(Color), 0Lux/F2.1(IR on), chế độ ngày đêm(ICR), tự động cân bằng trắng (AWB), tự động bù sáng (AGC), chống ngược sáng (BLC), chống nhiễu (2D-DNR), chống ngược sáng DWDR, tầm xa hồng ngoại 20m với công nghệ hồng ngoại thông minh • Ống kính cố định 3.6mm, chuẩn tương thích Onvif 2.6, chuẩn chống nước IP67, điện áp DC12V • Chất liệu hợp kim nhôm, môi trường làm việc từ -30°C~+60°C.	Cái	40	Theo nhu cầu thực tế	Lắp đặt tại các trạm cấp nước tập trung, theo dõi, giám sát công trình gồm: 1.Trạm cấp nước Lang Minh huyện Xuân lộc; 2.Trạm cấp nước Xuân Thạnh huyện Thống Nhất; 3.Trạm cấp nước Phú Thịnh huyện Tân Phú; 4.Trạm cấp nước ấp Đồi Rieu xã Hàng Gòn thành phố Long Khánh; 5.Trạm cấp nước Đồi 61 huyện Trảng Bom; 6.Trạm cấp nước Bình Lộc thành phố Long Khánh; 7.Trạm cấp nước Lộ 25 huyện Thống Nhất; 8. Trạm cấp nước Phú Lộc huyện Tân Phú; 9. Trạm cấp nước Mã Đà huyện Vĩnh Cửu; 10. Trạm cấp nước Hiếu Liêm huyện Vĩnh Cửu;

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng dự kiến ban hành	Ghi chú	
				Căn cứ pháp lý đề xuất	Mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản
36.2	Đầu Ghi hình: • Đầu ghi hình 24 kênh camera IP hỗ trợ lên đến 4k. • Chuẩn nén hình ảnh H.265 (Main Profile@Level5.0)/H.264 (High Profile@Level5.1) với hai luồng dữ liệu với phân giải hỗ trợ lên đến 8 Mp, băng thông đầu vào max 200Mbps, ra 40Mbps • Hỗ trợ xem lại và trực tiếp qua mạng máy tính thiết bị di động 4 kênh đồng bộ, hỗ trợ P2P, tên miền miễn phí, quản lý đồng thời 256 tài khoản kết nối, điện áp DC12V/3,3A.	Cái	2	Theo nhu cầu thực tế	11. Trạm cấp nước Phú Điền huyện Tân Phú; 12. Trạm cấp nước Xuân Phú huyện Xuân lộc; 13. Trạm cấp nước ấp Bàu Cối xã Bảo Quang thành phố Long Khánh; 14. Trạm cấp nước Trị An huyện Vĩnh Cửu; 15. Trạm cấp nước Sông Thao huyện Trảng Bom; 16. Trạm cấp nước xã Phú An, huyện Tân Phú; 17. Trạm cấp nước xã Nam Cát Tiên, huyện Tân Phú; 18. Trạm Phú Lý huyện Vĩnh Cửu
36.3	Smart Tivi: 50 inch4K Hệ điều hànhTizen OS 6.0	Cái	1	Theo nhu cầu thực tế	Lắp đặt tại các trạm cấp nước tập trung, theo dõi, giám sát công trình.
36.4	Máy in thông tin cầm tay CPU: Quad Core 1 3GHz MT6580V / WA RAM: 1GB Flash NAND: 8GB Hệ điều hành: Android6.0 Màn hình chính: 5,5 inch, tỷ lệ phân chia màn hình cảm ứng điện dung IPS 1280 * 720 Phương thức giao tiếp: Netcom 3G đầy đủ Camera phía sau: tương thích ngược 800W Khe cắm thẻ SIM: SIM , thẻ MICRO Pin: 7 4V, 5200mAh Giao diện sạc: Sạc DC, 12V1A OTG: Hỗ trợ Giao diện USB: Micro USB2.0 * 1 Hệ thống âm thanh: loa tích hợp, còi, micro WIFI: 802.11b / g / n GSM: GSM850 / 900/1800/1900 WCDMA: B1 Bluetooth: Bluetooth4.0 In: cuộn giấy 58 * 35, máy in nhiệt.	Cái	40	Theo nhu cầu thực tế	Phục vụ thu tiền nước tự động tại các trạm cấp nước tập trung,

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng dự kiến ban hành	Ghi chú	
				Căn cứ pháp lý đề xuất	Mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản
VIII	Chi cục Trồng trọt, BVTV và Thủy lợi				
37	Phần mềm Xây dựng ứng dụng trên điện thoại di động phục vụ thông tin, phổ biến, tuyên truyền các biện pháp phòng chống thiên tai nâng cao nhận thức cộng đồng trên địa bàn tỉnh. - Có thể chạy trên các nền tảng ứng dụng Android và IOS với nội dung thông tin, tuyên truyền các biện pháp phòng chống thiên tai, tạo kênh thông tin chính thống và nhanh nhất về tuyên truyền các biện pháp phòng chống thiên tai. - Phần mềm được xây dựng dựa trên mô hình UML, ngôn ngữ Swift, Objective C, Java cho phép người sử dụng truy cập hệ thống thông qua ứng dụng trên hệ điều hành di động như IOS, Android,... Hệ thống được cài đặt trên máy chủ đặt tại Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh Đồng Nai để đảm bảo hệ thống an toàn bảo mật thông tin, đảm bảo hạ tầng thiết bị, hỗ trợ việc vận hành được xuyên suốt.	Phần mềm	1	Văn bản số 5962/UBND-KGVX ngày 31/05/2021 của UBND tỉnh về việc xây dựng phần mềm ứng dụng trên điện thoại di động phục vụ thông tin, tuyên truyền các biện pháp phòng chống thiên tai.	Phát triển công tác thông tin tuyên truyền của ngành trên giao diện di động, điện thoại thông minh, cụ thể là xây dựng ứng dụng trên điện thoại di động phục vụ thông tin, phổ biến, tuyên truyền các biện pháp phòng chống thiên tai, nâng cao nhận thức cộng đồng trên địa bàn tỉnh.
38	Phần mềm quản lý thu, chi quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Đồng Nai Phần mềm như một công cụ ứng dụng trên nền tảng công nghệ thông tin để theo dõi tình hình thu quỹ, kiểm soát chi quỹ, tạo cơ sở dữ liệu hàng năm để cung cấp các báo cáo thống kê về số liệu thu chi qua các năm một cách minh bạch trong việc quản lý Quỹ. Phần mềm được xây dựng dựa trên Ngôn ngữ lập trình C# theo mô hình MVC trong ASP.NET cho phép phát triển ứng web gồm ba thành phần chính: model, view và controller. Cho phép người sử dụng truy cập hệ thống thông qua các trình duyệt web và web mở rộng. Ứng dụng cài đặt trên hệ thống máy chủ đặt tại Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh Đồng Nai, điều này đảm bảo các thiết bị hỗ trợ vận hành cho hệ thống đáp ứng đầy đủ tính sẵn sàng với Ipv6	Phần mềm	1	Văn bản số 14986/UBND-KGVX ngày 2/12/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc chủ trương xây dựng phần mềm quản lý thu, chi Quỹ PCTT.	Theo dõi tình hình thu quỹ, kiểm soát chi quỹ, cung cấp các báo cáo thống kê về số liệu thu chi qua các năm một cách minh bạch trong việc quản lý Quỹ, từ đó tạo động lực, niềm tin cho nhân dân, doanh nghiệp, các cơ quan đoàn thể trong việc đóng góp và phát triển quỹ, giúp cho Cơ quan quản lý nắm vững tình hình của Quỹ phòng chống thiên tai.

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng dự kiến ban hành	Ghi chú	
				Căn cứ pháp lý đề xuất	Mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản
39	Máy quay phim Cảm biến 1 inch 14MP; Quay phim 4K siêu nét; Hệ thống lấy nét lai 273 điểm; Màn hình LCD cảm ứng; Ống ngắm EVF OLED cực rõ; Ống kính Zeiss Vario-Sonnar T* 12x tiêu cự 18mm; Zoom quang 12x và zoom 18x bằng công nghệ Clear Image Zoom; Pin tương thích NP-FV100)	Cái	1	Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 ngày 19 tháng 11 năm 2018; Chi thị số 1838/CT-BNN-BVTV ngày 28 tháng 3 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc tăng cường công tác quản lý mã số vùng trồng và cơ sở đóng gói nông sản phục vụ xuất khẩu	Trang bị máy quay phim nhằm thực hiện công tác xây dựng các videoclip các vùng trồng, cơ sở đóng gói trong quá trình cấp và quản lý mã số; Tư liệu phục vụ công tác hướng dẫn, quản lý mã số vùng trồng cơ sở đóng gói nông sản
40	Chân máy quay phim Cân bằng Khối lượng Truy cập 4-11 lb / 1,8-5 kg; Tilt Drag 2 bước; Khoảng nghiêng + 90 / - 70°C Nhiệt độ -40 đến 140 ° F / -40 đến 60°C; Camera Plate Sliding plate ($\pm 1,6$ "/ 40 mm); Máy rải trung bình BR-2B)	Cái	1	Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 ngày 19 tháng 11 năm 2018; Chi thị số 1838/CT-BNN-BVTV ngày 28 tháng 3 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc tăng cường công tác quản lý mã số vùng trồng và cơ sở đóng gói nông sản phục vụ xuất khẩu	Trang bị máy quay phim nhằm thực hiện công tác xây dựng các videoclip các vùng trồng, cơ sở đóng gói trong quá trình cấp và quản lý mã số; Tư liệu phục vụ công tác hướng dẫn, quản lý mã số vùng trồng cơ sở đóng gói nông sản

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng dự kiến ban hành	Ghi chú	
				Căn cứ pháp lý đề xuất	Mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản
41	Thiết bị quay phim cầm tay chống rung (Số chiều chống rung: 3 trục (Pitch, Roll, Yaw); Cổng kết nối: 1 x USB	Cái	1	Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 ngày 19 tháng 11 năm 2018; Chi thị số 1838/CT-BNN-BVTV ngày 28 tháng 3 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc tăng cường công tác quản lý mã số vùng trồng và cơ sở đóng gói nông sản phục vụ xuất khẩu	Phục vụ công tác quản lý, kiểm tra, giám sát mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói nông sản
IX	Ban Quản lý rừng phòng hộ Xuân Lộc				
42	Loa phóng thanh (Âmly, Loa phóng) - Âmly Mixer: công suất ra 60w; đáp tuyến tần số 50-20,000Hz; độ méo tiếng dưới 1%. - Loa phóng: công suất 30w; cường độ âm thanh (1w,1m) 113dB; đáp tuyến tần số 250-6.000Hz.	Bộ	6	Số lượng đã trang bị theo định mức tại Quyết định số 20/2020/QĐ-UBND ngày 28/5/2020 của UBND tỉnh Số lượng dự kiến trang bị theo nhu cầu thực tế	Phục vụ công tác tuyên truyền, tập huấn QLVR, PCCCR



Phụ lục XV-C
**BỘ SƯNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG
CỦA SỞ XÂY DỰNG VÀ ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 12/2024/QĐ-UBND ngày 20 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng dự kiến ban hành	Ghi chú	
				Căn cứ pháp lý đề xuất	Mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản
1	Máy scan: có cấu hình - Khổ giấy: A4/A5 - Chức năng: Scan hai mặt - Tốc độ cao: 40 tờ/phút - Cổng giao tiếp: USB - Khay giấy: 50 tờ - Công suất: 3000 tờ/ngày	Cái	2	Theo nhu cầu thực tế	Phục vụ lưu trữ trong công tác thanh tra, tiếp công dân và scan chứng chỉ
2	Máy ảnh: có cấu hình Cảm biến APS-C CMOS 32.5MP - Chụp liên tiếp 14 fps với tracking AF/AE - Dual Pixel CMOS AF với 5,481 điểm AFv chọn tay - Hỗ trợ Eye AF Servo - Quay 4k UHD 30fps / 1080p 120fps - Chế độ RAW Burst 30 fps với chụp trước	Cái	1	Theo nhu cầu thực tế	Phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra hiện trường
3	Flycam: có cấu hình - Trần Bay : 6000m - Thời gian bay tối đa (không có gió) : 31 phút - Khoảng cách bay tối đa (không có gió) : 18,5 km - Độ phân giải : 20MP - Cảm biến : 1 inch CMOS	Bộ	1	Theo nhu cầu thực tế	Lập bản đồ địa hình 3D Lập bản đồ không ảnh. Chụp hình, quay phim các công trình có quy mô và chiều cao lớn. Chụp hình tổng thể mặt bằng công trình/ dự án

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng dự kiến ban hành	Ghi chú	
				Căn cứ pháp lý đề xuất	Mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản
4	Màn hình LED ma trận: từ P2.5 trở lên; bộ xử lý hình ảnh; hệ thống kết nối	Bộ	1	Công văn số 12706/UB ND-KTNS ngày 27/11/2023 của UBND tỉnh	Hợp các cuộc họp phục vụ công tác quy hoạch



Phụ lục XVI - C

**BỘ SƯNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG CỦA
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VÀ CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 12 /2024/QĐ-UBND ngày 20 tháng 02 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng dự kiến ban hành	Ghi chú	
				Căn cứ pháp lý đề xuất	Mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản
I	Trung tâm Khoa học và Công nghệ				
1	Ống kính 24-70mm F2.8 GM E-Mount Lens/Full-Frame Format Cấu tạo 13 nhóm / 18 phần tử Khẩu độ f/2,8 - f/22 9 lá khẩu tròn Một thấu kính XA và hai thấu kính Aspherical (phi cầu) Một thấu kính ED và một thấu kính Super ED Lớp tráng phủ Nano AR Coating Motor lấy nét Direct Drive SSM Hệ thống lấy nét trong Nút gạt AF/MF, Nút Hold Focus Thiết kế chống bụi, ẩm Đường kính Filter 82 mm	Cái	1	Kế hoạch số 6060/KH-UBND ngày 29/5/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai	Phục vụ xây dựng CSDL về KH&CN cho tỉnh (Số hoá, xây dựng phim KH&CN, Lưu trữ tài liệu,...)
2	Màn hình vi tính 27 inch 4K 60Hz - Độ phân giải: 4K (3840 x 2160) - Tỷ lệ: 16:9 - Tấm nền màn hình: IPS - Độ sáng: 350 cd/m ² (typical) - Màu sắc hiển thị: 1,07 tỷ màu (8-bit+FRC) - Độ tương phản/Tần số quét 60Hz	Cái	1		
3	Máy chủ - Processor: Intel Xeon Silver 4210 2.2G, 10C/20T, 13.75M Cache, HT. - Memory: 16GB DDR4 ECC RDIMM - Hard Drive: 2 x 1TB 7.2K RPM SATA 3.5" Hot-plug. - Raid Controller: PERC H730P 2Gb NV Cache - Optical Drive: DVD+/-RW - Power Supply: Single 750W HotPlug	Cái	1		

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng dự kiến ban hành	Ghi chú	
				Căn cứ pháp lý đề xuất	Mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản
4	Máy tính Render Edit Video 4K CORE i9 9980XE RAM 64GB RTX 3080 10GB - Cpu : intel core i9 9980xe extreme 4.4g 18 core 36 thread - Tần nhiệt : noctua nh-d15 - Ram : corsair lpx 64gb ddr4 3000 mhz (4x16g) - Vga : Nvidia rtx 3080 10gb gddr6x - Ssd : 1TB - Hdd : 4TB - Nguồn : cooler master v1000 1000w 80plus gold - Case : cooler master mastercase sl600m	Cái	1	Kế hoạch số 6060/KH-UBND ngày 29/5/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai	Phục vụ xây dựng CSDL về KH&CN cho tỉnh (Số hoá, xây dựng phim KH&CN, Lưu trữ tài liệu,...)
5	Đèn Led - Nhiệt độ màu 5600K $\pm$ 200K - Tiêu chuẩn màu chính xác CRI 96 / TLCI 95 - Hệ thống làm mát Quạt - Quãng chỉnh công suất 0 to 100% (Continuous) - Màn hình LED - Nhiệt độ màu 5600K: 7153,3 fc / 77.000 lux ở 3,28 / 1 m - Kích thước 5,5 x 7,1 x 11,8 "/ 14,0 x 18,0 x 30,0 cm - Trọng lượng 5,82 lb / 2,64 kg - Kết nối Bluetooth, không dây, TRIGGER - Tầm pin 2 x V-Mount - Đầu nối nguồn XLR 4 chân	Cái	1		
6	Tủ chống ẩm Dung tích : 100L Nguồn điện : 110-220V Công suất điện năng: 5W/H Có 5 ngăn có thể kéo ra Màn hình : LED báo độ ẩm & nhiệt độ Cân bằng độ ẩm : Tự động Phạm vi không chế độ ẩm từ 25%-60% RH%.	Cái	1		

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng dự kiến ban hành	Ghi chú	
				Căn cứ pháp lý đề xuất	Mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản
7	Máy photo Đa chức năng: photocopy, in trắng đen, scan màu Tốc độ 50 trang phút Kết nối mạng máy tính trong văn phòng: in, scan qua mạng. Khối lượng in – photocopy trong tháng: tối đa 200.000 bản.	Cái	1	Kế hoạch số 6060/KH-UBND ngày 29/5/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai	Phục vụ xây dựng CSDL về KH&CN cho tỉnh (Số hoá, xây dựng phim KH&CN, Lưu trữ tài liệu,...)
8	Ổ cứng mạng NAS 8-bay RackStation (up to 12-bay), Quad Core 2.2 GHz, 4GB RAM (up to 32GB), 10GbE NIC & M.2 NVMe SSD adapter cards for SSD cache (optional)	Cái	1	Kế hoạch số 6060/KH-UBND ngày 29/5/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai	Phục vụ xây dựng CSDL về KH&CN cho tỉnh (Số hoá, xây dựng phim KH&CN, Lưu trữ tài liệu,...)
9	Bộ truyền video không dây + Bộ phát 5 GHz + Bộ thu 5 GHz + Truyền không dây lên đến 250m + Hỗ trợ cổng SDI và HDMI + Hỗ trợ độ phân giải lên tới 1080p60 + Thiết kế vỏ nhôm + Cấu hình cao, chip nén 25MB + Khoảng cách truyền khả dụng trong phạm vi 250m + Hỗ trợ cổng giao tiếp SDI và HDMI	Cái	1	Theo nhu cầu thực tế	Phục vụ truyền thông các sự kiện của Sở trên mạng xã hội
10	Bàn trộn - Giắc cắm âm thanh nổi mini 2 x 3,5 mm. - Đồng bộ hóa lại đầu vào video : Trên tất cả 4 đầu vào HDMI. - Độ phân giải màn hình tối thiểu : 1366 x 768. - Độ phân giải đầu vào HDMI từ máy tính	Cái	1	Theo nhu cầu thực tế	Phục vụ truyền thông các sự kiện của Sở trên mạng xã hội

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng dự kiến ban hành	Ghi chú	
				Căn cứ pháp lý đề xuất	Mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản
11	Thiết bị đo công suất CW240 Đặc tính kỹ thuật: Điện áp đầu vào: 150/300/600/1000 V Dòng điện đầu vào từ 0 đến 3000A (tùy vào đầu kèm đo) Thông số đo: áp, dòng, công suất tiêu thụ, công suất phản kháng, công suất biểu kiến, tần số, hệ số công suất, góc lệch pha và điện năng tiêu thụ. Các chức năng khác: lưu trữ dữ liệu trên thẻ nhớ, giao tiếp RS-232, phân tích sóng họa tăng và vẽ biểu đồ pha. Bao gồm: thiết bị chính, que đo áp (x4), AC adapter, pin (x6), sách HDSD	Cái	1	Thông tư số 25/2020/TT-BCT ngày 29/9/2020	Phục vụ hoạt động kiểm toán năng lượng
12	Thiết bị đo nhiệt độ không tiếp xúc Testo 845 - Thang đo nhiệt độ: -35°C đến 950°C - Độ chính xác: +/- 2,5°C (-35 đến -20,1°C); +/- 1,5°C (-20 đến 29,9°C); +/- 0,75°C (30 đến 99,9°C); +/- 0,75% (100 đến 950°C) - Tỷ lệ khoảng cách đo: 75:1 (16mm ở khoảng cách 1,2 m)	Cái	1	Thông tư số 25/2020/TT-BCT ngày 29/9/2020	Phục vụ hoạt động kiểm toán năng lượng
13	Thiết bị đo lưu lượng loại bỏ túi Testo 410-2 Chức năng: đo tức thời, trung bình, max, min, hold Dải đo: 0,5 đến 20m/s; +/- 0,2m/s -10 đến 500C; +/- 0,50C 0 đến 100%RH, +/- 2,5%RH Bao gồm máy chính với cánh quạt d40mm, pin, vỏ bảo vệ và dây đeo.	Cái	1	Thông tư số 25/2020/TT-BCT ngày 29/9/2020	Phục vụ hoạt động kiểm toán năng lượng

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	DVT	Số lượng dự kiến ban hành	Ghi chú	
				Căn cứ pháp lý đề xuất	Mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản
14	Thiết bị đo trong hệ thống điều hòa thông hơi Testo 435-2 Thiết bị đo nhiều thông số khác nhau: nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, áp suất, CO₂, ... Mỗi loại thông số đo tương ứng với mỗi loại đầu đo khác nhau, các đầu đo được thiết kế rất thuận tiện cho việc lắp ráp linh hoạt vào thiết bị cho từng mục đích sử dụng khác nhau. Trọn bộ bao gồm: Máy chính, phần mềm quản lý dữ liệu, giấy chứng nhận chất lượng của hãng và pin.	Cái	1	Thông tư số 25/2020/TT-BCT ngày 29/9/2020	Phục vụ hoạt động kiểm toán năng lượng
15	Bộ phân tích và theo dõi khí thải Testo-350XL Đặc tính kỹ thuật: Dải đo: • Hiệu suất cháy (chọn thêm đầu đo) • Chênh áp (chọn thêm đầu đo) • Tốc độ dòng khí: 0,4 ... 60m/s, nhiệt độ: -30 ... 140°C (chọn thêm đầu đo) • Áp suất: -200 ... +200hPa (chọn thêm đầu đo) • Đo nhiệt độ và độ ẩm (chọn thêm đầu đo) • Đo lấy mẫu khí chịu nhiệt Tmax800°C (chọn thêm đầu đo) • Đo nhiệt độ bề mặt, không khí, chất lỏng (chọn thêm đầu đo) • Tốc độ quay động cơ (chọn thêm đầu đo)	Cái	1	Thông tư số 25/2020/TT-BCT ngày 29/9/2020	Phục vụ hoạt động kiểm toán năng lượng
16	Thiết bị đo dòng điện Hioki 3286-20 Đo công suất 1 pha hoặc 3 pha cân bằng (3kW đến 1200kW) Kiểm tra dao động nguồn (1000A, 1000Hz)	Cái	1	Thông tư số 25/2020/TT-BCT ngày 29/9/2020	Phục vụ hoạt động kiểm toán năng lượng
17	Thiết bị đo vận tốc Testo-470 Dải đo: 30 đến 12,500rpm; $\pm 0.01\%$	Cái	1	Thông tư số 25/2020/TT-BCT ngày 29/9/2020	Phục vụ hoạt động kiểm toán năng lượng

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng dự kiến ban hành	Ghi chú	
				Căn cứ pháp lý đề xuất	Mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản
18	Thiết bị phân tích chất lượng điện năng PQ3100 4 kênh, đo được dòng điện lên tới 6000A AC, 2000A DC, đo sóng hài lên tới bậc 50. Quá độ điện áp: Tốc độ lấy mẫu 200 kHz Điện áp (1/2) RMS, Dòng điện (1/2) RMS: phép tính một chu kỳ được làm mới mỗi nửa chu kỳ Dòng điện khởi động : phép tính nửa chu kỳ: được tính theo giá trị RMS dòng điện với dữ liệu dạng sóng dòng điện được lấy mẫu mỗi nửa chu kỳ.	Cái	1	Thông tư số 25/2020/TT-BCT ngày 29/9/2020	Phục vụ hoạt động kiểm toán năng lượng
19	Thiết bị đo công suất dải đo từ 0-3,5 KW	Cái	2	Thông tư số 25/2020/TT-BCT ngày 29/9/2020	Phục vụ hoạt động kiểm toán năng lượng
20	Thiết bị đo vận tốc gió Testo 475 Dải đo bằng đèn chớp: 100 đến 20000 rpm; 1,67 đến 333 Hz Dải đo bằng đầu đo tiếp xúc: 100 đến 20000 rpm Độ chính xác: +/- 1 digit Bao gồm: máy chính, đèn chớp, bộ đầu đo tiếp xúc, pin sạc, nguồn, vali	Cái	1	Thông tư số 25/2020/TT-BCT ngày 29/9/2020	Phục vụ hoạt động kiểm toán năng lượng
21	Thiết bị đo điện từ trường - Dải tần số: 50 MHz đến 3.5 GHz. - Sensor điện trường (E). - Đo 3 chiều, đo đẳng hướng. - Dải đo điện trường: 38 mV/m đến 11 V/m. - Khoảng đo lựa chọn tự động. - Thời gian đáp ứng 1 s - Độ phân giải: 0,1 mV/m; 0,1 μgA/m; 0,01 μgW/m² - Sai số tuyệt đối: $\pm 1,0$ dB - Độ chính xác : ± 1.0 dB (50 MHz to 1.9 GHz); ± 2.4 dB (1.9 GHz to 3.5 GHz) - Độ lệch đẳng hướng : $\pm 1,0$ dB (trong một tần số > 50 MHz) - Độ lệch do nhiệt độ: $\pm 1,5$ dB - Hiển thị cập nhật : 400 ms	Cái	1	Thông tư số 24/2017/TT-BTNMT ngày 01/9/2017	Phục vụ hoạt động quan trắc môi trường

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	DVT	Số lượng dự kiến ban hành	Ghi chú	
				Căn cứ pháp lý đề xuất	Mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản
22	Thiết bị thu thập dữ liệu nhiệt độ Testo 177-T4 Khả năng đo: 4 kênh nhiệt độ, bộ nhớ ghi dữ liệu 48000 giá trị Bao gồm: máy chính, pin, giá đỡ, sách HDSD	Cái	1	Thông tư số 25/2020/TT-BCT ngày 29/9/2020	Phục vụ hoạt động kiểm toán năng lượng
23	Thiết bị đo độ ồn -Kimo DB300 Phạm vi động từ 30 đến 137 dB Mức độ tiếng ồn trọng yếu: LXY Mức liên tục tương đương: LXeq Mức áp suất cao nhất: LUpk Mức độ tiếp xúc tiếng ồn: LXE Phân tích thời gian thực bằng băng tần octave - 31,5 Hz đến 8 kHz Các giá trị và biểu diễn đồ họa của các tiêu chí thoải mái của NR	Cái	1	Thông tư số 24/2017/TT-BTNMT ngày 01/9/2017	Phục vụ hoạt động quan trắc môi trường
24	Máy đo công suất 1 pha PPA 500 Phạm vi đo: 10mHZ ÷ 500 KHZ Điện áp: 0÷2500V Dòng điện: 0÷20A	Cái	1	Quyết định số 04/2017/QĐ-BCT ngày 09/3/2017	Phục vụ hoạt động thử nghiệm hiệu suất năng lượng
25	Thiết bị đo vận tốc loại chớp - Testo 476 Đo rpm bằng tần số chớp 20.000 vòng/phút	Cái	1	Thông tư số 25/2020/TT-BCT ngày 29/9/2020	Phục vụ hoạt động kiểm toán năng lượng
26	Thiết bị phân tích chất lượng nước - Đo nhiệt độ/ oxy hòa tan: 0 - 60°C; 0.00 tới 20.00 mg/L hoặc ppt 0-200% (độ bão hòa) - Đo nhiệt độ/độ đục: 0 - 60°C; 0 tới 4,000 NTU - Đo nhiệt độ/độ dẫn điện: : 0 - 60°C; 0-200.0 µS/cm, 0-2,000 µS/cm, 0,00-20.00 mS/cm, 0,0-200.0 mS/cm - Đo nhiệt độ/pH: 0 - 60°C; 0-14 pH	Cái	1	Thông tư số 24/2017/TT-BTNMT ngày 01/9/2017	Phục vụ hoạt động quan trắc môi trường

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng dự kiến ban hành	Ghi chú	
				Căn cứ pháp lý đề xuất	Mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản
27	Thiết bị phân tích độ ồn - Testo 816 Đo độ ồn bằng đầu dò với độ phân giải và độ chính xác cao Dải đo: 30 ~ 130 dB Tần số đo: 31.5 Hz ~ 8 kHz Độ chính xác: ± 1.0 dB Tốc độ đo: 0.5 giây Chất liệu vỏ: ABS Khoảng dải đo: 30 - 80 dB; 50 - 100 dB; 80 - 130 Db	Cái	1		
28	Cân điện tử Khả năng cân(g): 8100 Độ chính xác(g): 0,1 Kích thước đĩa cân: 165x165 mm Đơn vị cân: gram, kg, milli-gram, ounce, ounce troy, carat, penni, Lạng Hong Kong, Lạng Singapore, Lạng Đài loan Màn hình hiển thị: 7 số – cao 16mm, màn hình LCD (LED backlight) ,6 phím căn bản dễ sử dụng, hiển thị số, chấm cách nền. Điều kiện hoạt động: 14°F / -10°C to 104°F / 40°C tại 10% - 80% độ ẩm , > 4000m so với mực nước biển Nhiệt độ hoạt động: - 40°F /-40°C - 158°F / 70°C tại 10% - 80% độ ẩm Kích thước cân: 210 x 317 x 86 mm Nguồn điện: AC : Adapter 220v	Cái	1	Quyết định số 04/2017/QĐ-BCT ngày 09/3/2017	Phục vụ hoạt động thử nghiệm hiệu suất năng lượng

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng dự kiến ban hành	Ghi chú	
				Căn cứ pháp lý đề xuất	Mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản
29	Bộ ghi dữ liệu Hioki LR 8431-20 - Số kênh: + Analog: 10 kênh độc lập + Pulse: 4 kênh + Nhiệt độ (cặp nhiệt điện): - 200°C đến 2000°C/Độ phân dải 0,1°C + Nhiệt độ (Cảm biến Pt 100) + Totalized pulses: 0 đến 1000M count, 1 thang đo - Tín hiệu vào max: DC 60 V (Analog), DC - 5 V đến 10 V (Pulse) - Dung lượng bộ nhớ: 3.5 MWords - Giao tiếp với thiết bị bên ngoài: + USB 2.0*1, Điều khiển từ máy tính + Chuyển các tập tin thử thê CF sang máy tính + Sao chép dữ liệu giữa thẻ CF và thẻ nhớ USB - Hiển thị: 4.3 inch WQVGA-TFT color LCD (480 × 272 dots)	Cái	1	Quyết định số 04/2017/QĐ-BCT ngày 09/3/2017	Phục vụ hoạt động thử nghiệm hiệu suất năng lượng
30	Thiết bị đo áp suất khí quyển Đo áp suất: 10 1100 hPa; 7,5 đến 825,0 mmHg; 0,29 3248 inHg Đo nhiệt độ: 32 đến 122°F (0 đến 50°C) Đo độ ẩm tương đối RH: 10 đến 90%	Cái	1	Thông tư số 24/2017/TT-BTNMT ngày 01/9/2017	Phục vụ hoạt động quan trắc môi trường
31	Thiết bị đo hơi, nồng độ khí độc đa chỉ tiêu IBridMX6 Máy đo khí đa chỉ tiêu khí loại cầm tay, dùng đo các loại khí LEL (Pentane), LEL (Methane), CH4 IR (0-100% vol.), CH4 (0-5%), Hydrocarbons IR (0-100% LEL), các hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (VOCs), H2S, O2, NO2, CO, CO/H2S, NH3, Cl2, ClO2 PH3 CO High, SO2, HCl, HCN, H2, PH3 High, NO, CO/H2 low interference CO2 IR (mỗi cấu hình của MX6 đo được tối đa 6 loại khí trên).	Cái	1	Thông tư số 24/2017/TT-BTNMT ngày 01/9/2017	Phục vụ hoạt động quan trắc môi trường
32	Thiết bị đo bức xạ mặt trời Đo bức xạ mặt trời: 100 - 1250 W/m-2 or 30 - 400 BTU/hr-ft2 Đo nhiệt độ: -30°C ~ +125°C Đo độ dốc: 0° ~ 90°	Cái	1		

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng dự kiến ban hành	Ghi chú	
				Căn cứ pháp lý đề xuất	Mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản
33	Thiết bị đo độ chói Tes 137 Màn hình kép, màn hình LCD 4 chữ số - Độ nhạy quang phổ gần đường cong CIE photopic. - Đo mức độ từ 0,001 đến 1999k cd / m ² , từ 0,001 đến 580,0k fL. - Đo tỷ lệ độ sáng A / B, độ lệch % A, khác nhau B-A và độ sáng đỉnh - Các chức năng hiệu chỉnh màu sắc và tham số hiệu chuẩn sử dụng	Cái	1	Quyết định số 04/2017/QĐ-BCT ngày 09/3/2017	Phục vụ hoạt động thử nghiệm hiệu suất năng lượng
34	Thiết bị đo nồng độ khí radon Phạm vi đo: 0,1 đến 20 000 pCi/l (từ 3,7 Bq/m ³ đến 740 000 Bq/m ³). - Nhiệt độ làm việc: 5 ÷ 40°C. - Độ ẩm bên ngoài: 0 ÷ 95%	Cái	1	Thông tư số 24/2017/TT-BTNMT ngày 01/9/2017	Phục vụ hoạt động quan trắc môi trường
35	Hệ thống thiết bị thử nghiệm động cơ xoay chiều 3 pha không đồng bộ đến 75kW - Gồm bộ đầu nối trực động cơ nhiều cỡ của hãng Rotex của Đức có thể kết nối tất cả các loại động cơ dưới kiểm vào hệ thống. - Dải tốc độ thử nghiệm: 0 ~ 3600 vòng/phút - Dải công suất thử nghiệm: 0.75 ~ 75kW - Dải mô men: 1Nm ~ 600Nm - Cấp chính xác: + Đo dòng điện, điện áp đầu vào: ± 0.2%	HT	1	Quyết định số 04/2017/QĐ-BCT ngày 09/3/2017	Phục vụ hoạt động thử nghiệm hiệu suất năng lượng
36	Thiết bị thử nghiệm hiệu suất biến tần - Dải đo điện áp DC : 20 ~ 1000V - Độ chính xác đo điện áp DC: 0.5% số đọc + 2 số thập phân - Đo điện áp xoay chiều AC: 0~ 600V (P-N), 0~1000V (P-P) - Đo điện áp bất thường theo thời gian: 0~ 600V (P-N) , 0~1000V (P-P) - Độ chính xác thời gian: ±10ms - Độ chính xác đo điện năng tiêu thụ AC: 0.7% số đọc + 3 số thập phân - Dải đo tần số: 42.5 ~ 69.0Hz - Độ chính xác đo tần số: 0.2% số đọc + 1 số thập phân	Cái	1	Quyết định số 04/2017/QĐ-BCT ngày 09/3/2017	Phục vụ hoạt động thử nghiệm hiệu suất năng lượng

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng dự kiến ban hành	Ghi chú	
				Căn cứ pháp lý đề xuất	Mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản
37	Camera nhiệt (Máy ảnh nhiệt đo xa) - Độ phân giải ảnh nhiệt: 384×288 pixels - Trường nhìn (FOV): $\geq 24.6^\circ \times 18.6^\circ$ - Độ phân giải hình học (IFOV): ≤ 1.14 rad - Lấy nét (Focus): bằng tay - Độ nhạy khi đo nhiệt độ (NETD): - Tần số quét ảnh: 50 Hz - Dải quang phổ: 8 đến $14\mu\text{m}$ - Cài đặt dải màu: 8 (dải tiêu chuẩn) + 10 (tự cài đặt) - Màn hình: 3.5 inch TFT cảm ứng - Quay video nhiệt: định dạng MPEG4 - Đầu ra video: PAL / NTSC - Zoom kỹ thuật số: x1 đến x20 - Xoay ảnh: 0° đến 360° , bước xoay 1°	Cái	1	Thông tư số 25/2020/TT-BCT ngày 29/9/2020	Phục vụ hoạt động kiểm toán năng lượng
38	Bộ thiết bị đo nồng độ bụi tổng, bụi kích thước (PM 2.5, PM10), bụi hô hấp, bụi trọng lượng	Cái	1	Thông tư số 24/2017/TT-BTNMT ngày 01/9/2017	Phục vụ hoạt động quan trắc môi trường
39	Bộ thiết bị lấy mẫu bụi/ khí cá nhân (bụi tổng/ Bụi bông/ bụi chì/ bụi Amiang/ bụi hô hấp, bụi PM2.5/PM10) lấy mẫu khí VOC (Benzen, Toluen, Xylen, Napthalene)	Cái	1		
40	Thiết bị đo lưu lượng hơi - Dải dòng: 1-300A - Dải áp: 90-530V - Độ chính xác 0.2% - Bảng thông DC: 40 kHz	Cái	1	Quyết định số 04/2017/QĐ-BCT ngày 09/3/2017	Phục vụ hoạt động thử nghiệm hiệu suất năng lượng
41	Thiết bị đo lưu lượng nước Ứng dụng cho đường ống 15mm - 700mm - Độ chính xác : $\pm 1\%$ - Kết nối máy tính in báo cáo - Đo được cả nước sạch và nước thải	Cái	1	Quyết định số 04/2017/QĐ-BCT ngày 09/3/2017	Phục vụ hoạt động thử nghiệm hiệu suất năng lượng

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	DVT	Số lượng dự kiến ban hành	Ghi chú	
				Căn cứ pháp lý đề xuất	Mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản
42	Thiết bị đo lưu lượng dầu Phương pháp đo: tua bin Độ phân giải đo: 0.01-0.005 lit/pulse Lưu lượng đo được: từ 5 đến 120 lít/ phút đối với Diesel, Nước, Urea, và các chất lỏng có độ nhớt tương tự. Áp suất hoạt động lớn nhất: 10bar, 145psi Nhiệt độ bảo quản: -20 đến 70 độ C Nhiệt độ hoạt động: âm 10 độ C đến 50°C Áp suất cản: 0.3bar tại lưu lượng 100l/phút	Cái	1	Quyết định số 04/2017/QĐ-BCT ngày 09/3/2017	Phục vụ hoạt động thử nghiệm hiệu suất năng lượng
43	Bộ quả cân chuẩn E2 (1 mg - 500 mg) Đặc trưng kỹ thuật: - Khối lượng danh nghĩa: (1 mg - 500 mg) - Số lượng quả: 12 quả - Cấp chính xác: E2	Bộ	3	Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN và Thông tư số 07/2019/TT-BKHCN	Phục vụ hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo khối lượng
44	Bộ quả cân chuẩn E2 (1 g - 500 g) Đặc trưng kỹ thuật: - Khối lượng danh nghĩa: (1 g - 500 g) - Số lượng quả: 12 quả - Cấp chính xác: E2	Bộ	3	Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN và Thông tư số 07/2019/TT-BKHCN	Phục vụ hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo khối lượng
45	Bộ quả cân chuẩn E2 (1 kg - 10 kg) Đặc trưng kỹ thuật: - Khối lượng danh nghĩa: (1 kg - 10 kg) - Số lượng quả: 5 quả - Cấp chính xác: E2	Bộ	1	Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN và Thông tư số 07/2019/TT-BKHCN	Phục vụ hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo khối lượng
46	Bộ quả cân chuẩn F1 (1 mg - 500 mg) Đặc trưng kỹ thuật: - Khối lượng danh nghĩa: (1 mg - 500 mg) - Số lượng quả: 12 quả - Cấp chính xác: F1	Bộ	3	Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN và Thông tư số 07/2019/TT-BKHCN	Phục vụ hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo khối lượng
47	Bộ quả cân chuẩn F1 (1 g - 500 g) Đặc trưng kỹ thuật: - Khối lượng danh nghĩa: (1 g - 500 g) - Số lượng quả: 12 quả - Cấp chính xác: F1	Bộ	3	Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN và Thông tư số 07/2019/TT-BKHCN	Phục vụ hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo khối lượng

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng dự kiến ban hành	Ghi chú	
				Căn cứ pháp lý đề xuất	Mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản
48	Bộ quả cân chuẩn F1 (1 kg - 10 kg) Đặc trưng kỹ thuật: - Khối lượng danh nghĩa: (1 kg - 10 kg) - Số lượng quả: 5 quả - Cấp chính xác: F1	Bộ	3	Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN và Thông tư số 07/2019/TT-BKHCN	Phục vụ hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo khối lượng
49	Bộ quả cân chuẩn F2 (1 mg - 500 mg) Đặc trưng kỹ thuật: - Khối lượng danh nghĩa: (1 mg - 500 mg) - Số lượng quả: 12 quả - Cấp chính xác: F2	Bộ	1	Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN và Thông tư số 07/2019/TT-BKHCN	Phục vụ hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo khối lượng
50	Bộ quả cân chuẩn F2 (1 g - 500 g) Đặc trưng kỹ thuật: - Khối lượng danh nghĩa: (1 g - 500 g) - Số lượng quả: 12 quả - Cấp chính xác: F2	Bộ	1	Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN và Thông tư số 07/2019/TT-BKHCN	Phục vụ hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo khối lượng
51	Bộ quả cân chuẩn F2 (1 kg - 10 kg) Đặc trưng kỹ thuật: - Khối lượng danh nghĩa: (1 kg - 10 kg) - Số lượng quả: 5 quả - Cấp chính xác: F2	Bộ	1	Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN và Thông tư số 07/2019/TT-BKHCN	Phục vụ hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo khối lượng
52	Quả cân chuẩn F2 20 kg Đặc trưng kỹ thuật: - Khối lượng danh nghĩa: 20 kg - Cấp chính xác: F2	Quả	25	Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN và Thông tư số 07/2019/TT-BKHCN	Phục vụ hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo khối lượng
53	Quả cân chuẩn M1 500 kg Đặc trưng kỹ thuật: - Khối lượng danh nghĩa: 500 kg - Cấp chính xác: M1	Quả	60	Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN và Thông tư số 07/2019/TT-BKHCN	Phục vụ hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo khối lượng
54	Cân so sánh kiểm quả CCX F1, F2 : đến 200 g Đặc trưng kỹ thuật: - Phạm vi đo: > 200 g - Độ chia: 0,01 mg hoặc 0,1 mg	Cái	1	Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN và Thông tư số 07/2019/TT-BKHCN	Phục vụ hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo khối lượng

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng dự kiến ban hành	Ghi chú	
				Căn cứ pháp lý đề xuất	Mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản
55	Cân so sánh kiểm quả CCX F1, F2 : từ 200g đến 2 kg Đặc trưng kỹ thuật: - Phạm vi đo: > 500 g - Độ chia: 0,1 mg hoặc 1mg	Cái	1	Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN và Thông tư số 07/2019/TT-BKHCN	Phục vụ hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo khối lượng
56	Cân so sánh kiểm quả CCX F1, F2 : 1 kg đến 10 kg Đặc trưng kỹ thuật: - Phạm vi đo: đến 10 kg - Độ chia: 1 mg	Cái	1	Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN và Thông tư số 07/2019/TT-BKHCN	Phục vụ hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo khối lượng
57	Cân so sánh kiểm quả CCX M1: đến 20 kg Đặc trưng kỹ thuật: - Phạm vi đo: đến 20 kg - Độ chia: 0,1 g hoặc 0,01 g	Cái	2	Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN và Thông tư số 07/2019/TT-BKHCN	Phục vụ hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo khối lượng
58	Cân so sánh kiểm quả CCX M1: 20 kg đến 100 kg Đặc trưng kỹ thuật: - Phạm vi đo: đến 100 kg - Độ chia: 1 g hoặc 0,1 g	Cái	1	Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN và Thông tư số 07/2019/TT-BKHCN	Phục vụ hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo khối lượng
59	Cân so sánh kiểm quả CCX M1: 100 kg đến 500 kg Đặc trưng kỹ thuật: - Phạm vi đo: > 500 kg - Độ chia: 1 g hoặc 0,1 g	Cái	1	Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN và Thông tư số 07/2019/TT-BKHCN	Phục vụ hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo khối lượng
60	Cân kiểm tra bao/gói sản phẩm đến 10 kg Đặc trưng kỹ thuật: - Phạm vi đo: > 10kg - Độ chia: 0,1 g trở lên	Cái	1	Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN và Thông tư số 07/2019/TT-BKHCN	Phục vụ hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo khối lượng
61	Cân kiểm tra bao/gói sản phẩm đến 100 kg Đặc trưng kỹ thuật: - Phạm vi đo: > 100kg - Độ chia: 1 g trở lên	Cái	1	Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN và Thông tư số 07/2019/TT-BKHCN	Phục vụ hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo khối lượng

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng dự kiến ban hành	Ghi chú	
				Căn cứ pháp lý đề xuất	Mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản
62	Lực kế chuẩn cấp chính xác cao Đặc trưng kỹ thuật: - Phạm vi đo: > 5 tấn - Cấp chính xác: 3	Cái	2	Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN và Thông tư số 07/2019/TT-BKHCN	Phục vụ hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo khối lượng
63	Thiết bị kiểm định đồng hồ xăng dầu Đặc trưng kỹ thuật: - Đường kính: đến 100 mm - Phạm vi lưu lượng: (340÷3400) L/min - Cấp chính xác: đạt 0,2	Hệ thống	1	Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN và Thông tư số 07/2019/TT-BKHCN	Phục vụ hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo dung tích, lưu lượng
64	Bộ bình định mức: 250 mL, 500 mL, 1000 mL Đặc trưng kỹ thuật: - Dung tích danh định: 250 mL, 500 mL, 1000 mL - Cấp chính xác: A	Bộ	1	Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN và Thông tư số 07/2019/TT-BKHCN	Phục vụ hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo dung tích, lưu lượng
65	Bộ bình chuẩn kim loại CCX 0,1: 2 lít, 5 lít, 10 lít, 20 lít, 50 lít, 100 lít, 200 lít Đặc trưng kỹ thuật: - Dung tích danh định: 2 lít, 5 lít, 10 lít, 20 lít, 50 lít, 100 lít, 200 lít - Cấp chính xác: 0,1	Bộ	3	Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN và Thông tư số 07/2019/TT-BKHCN	Phục vụ hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo dung tích, lưu lượng
66	Bộ bình chuẩn dung tích hạng 2: 500 lít, 1000 lít, 2000 lít, 5000 lít Đặc trưng kỹ thuật: - Dung tích danh định: 500 lít, 1000 lít, 2000 lít, 5000 lít - Cấp chính xác: đạt 0,1	Bộ	1	Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN và Thông tư số 07/2019/TT-BKHCN	Phục vụ hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo dung tích, lưu lượng
67	Thiết bị kiểm định đồng hồ nước Đặc trưng kỹ thuật: - Kiểm được đồng hồ nước đến 50mm - Cấp chính xác hệ thống : 0,2 % - Kiểm được công tơ nước lạnh cấp A, B, C	Hệ thống	1	Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN và Thông tư số 07/2019/TT-BKHCN	Phục vụ hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo dung tích, lưu lượng
68	Thiết bị hiệu chuẩn pipet, buret Đặc trưng kỹ thuật: - Khả năng cân max : 21 g - Độ đọc d = 1 ug	Bộ	1	Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN và Thông tư số 07/2019/TT-BKHCN	Phục vụ hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo dung tích, lưu lượng

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng dự kiến ban hành	Ghi chú	
				Căn cứ pháp lý đề xuất	Mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản
69	Bàn tạo áp suất chất lỏng Đặc trưng kỹ thuật: - Khả năng tạo áp: > 100 bar	Bộ	3	Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN và Thông tư số 07/2019/TT-BKHCN	Phục vụ hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo áp suất
70	Bàn tạo áp suất chất khí Đặc trưng kỹ thuật: - Khả năng tạo áp: > 20 bar	Bộ	3	Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN và Thông tư số 07/2019/TT-BKHCN	Phục vụ hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo áp suất
71	Bộ áp kế chuẩn lò xo đến 1000 bar Đặc trưng kỹ thuật: - Phạm vi đo: -1 bar đến 1000 bar - Số lượng: 05 áp kế - Cấp chính xác: đạt 0,25	Bộ	2	Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN và Thông tư số 07/2019/TT-BKHCN	Phục vụ hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo áp suất
72	Bộ áp kế chuẩn điện tử đến 1000 bar Đặc trưng kỹ thuật: - Phạm vi đo: -1 bar đến 1000 bar - Số lượng: 05 áp kế - Cấp chính xác: đạt 0,05	Bộ	3	Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN và Thông tư số 07/2019/TT-BKHCN	Phục vụ hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo áp suất
73	Thiết bị kiểm huyết áp kế lò xo, thủy ngân Đặc trưng kỹ thuật: - Phạm vi đo: > 300 mmHg - Cấp chính xác: 0,05	Bộ	2	Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN và Thông tư số 07/2019/TT-BKHCN	Phục vụ hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo áp suất
74	Thiết bị kiểm huyết áp kế điện tử trong y tế Đặc trưng kỹ thuật: - Phạm vi đo: > 300 mmHg - Cấp chính xác: 0,05	Bộ	2	Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN và Thông tư số 07/2019/TT-BKHCN	Phục vụ hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo áp suất
75	Thiết bị hiệu chuẩn transmitter, công tắc áp suất, bộ chỉ thị áp suất Đặc trưng kỹ thuật: - Đo và phát dòng điện 0-20mA VDC - Có chức năng kiểm công tắc áp suất	Bộ	1	Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN và Thông tư số 07/2019/TT-BKHCN	Phục vụ hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo áp suất